

Số: 1166/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Sổ tay thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” (Dự án FSMIMS)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số 4505-VN ký ngày 21/04/2009 giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 12/8/2009 của Thống đốc NHNN về việc thành lập Ban Quản lý Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Dự án FSMIMS,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Sổ tay thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014 và thay thế cho Quyết định số 1336/QĐ-NHNN ngày 03/6/2010. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung của Sổ tay thực hiện Dự án do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”, Chủ tịch Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam và các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN; *28*
- Lưu: VP, Ban FSMIMS (10 bản).

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Nguyễn Toàn Thắng

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
DỰ ÁN “HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÂN HÀNG”
DỰ ÁN FSMIMS



SỔ TAY THỰC HIỆN DỰ ÁN

Ban hành kèm theo Quyết định số ...11.66../QĐ-NHNN ngày 11/6/2014
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Hà Nội, tháng 6 năm 2014

LỜI NÓI ĐẦU

Hiệp định tài trợ Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” (gọi tắt là Dự án), vay vốn của Hiệp hội phát triển Quốc tế, khoản tín dụng số 4505-VN đã được ký kết giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển Quốc tế ngày 21/4/2009. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan chủ quản của Dự án và chịu trách nhiệm chung đối với việc triển khai Dự án. Tham gia Dự án có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTG). NHNN chịu trách nhiệm triển khai trực tiếp nhóm hợp phần của NHNN và CIC. BHTG chịu trách nhiệm triển khai nhóm hợp phần của BHTG.

Căn cứ Hiệp định tài trợ Dự án, các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới (WB), luật, các văn bản dưới luật hiện hành và tình hình thực tế triển khai ở các đơn vị tham gia Dự án, NHNN sửa đổi *Sổ tay thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” (sau đây gọi là Sổ tay thực hiện)* nhằm giúp cho các đơn vị tham gia Dự án triển khai Dự án thuận lợi và đúng quy định.

Sổ tay thực hiện hướng dẫn việc xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát và đánh giá các hoạt động của Dự án cho các bên liên quan của Dự án, gồm 5 chương:

Chương I “Tóm tắt về Dự án”: bao gồm các thông tin tổng quan về Dự án (mục tiêu, thời gian thực hiện, các nhóm hợp phần của Dự án, các kết quả đạt được tính đến hết 31/5/2014).

Chương II “Quản lý thực hiện Dự án”: cung cấp thông tin về các bên liên quan trong quá trình quản lý và triển khai Dự án.

Chương III “Lập kế hoạch Dự án”: hướng dẫn về quy trình lập các kế hoạch chính của Dự án.

Chương IV “Đấu thầu, mua sắm”: hướng dẫn các quy trình, thủ tục đấu thầu, mua sắm của Dự án.

Chương V “Giám sát, đánh giá và chế độ báo cáo, thông tin liên lạc của Dự án”: nêu trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác theo dõi, đánh giá, báo cáo và thông tin liên lạc của Dự án.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khuyến nghị, đề nghị các đơn vị tham gia Dự án phản ánh về NHNN (Ban Quản lý Dự án) để giải đáp hoặc sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh.

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ	5
CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN	6
I. CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN.....	6
II. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TÁC ĐẦU THẦU, MUA SẴM	7
CHƯƠNG I. TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN.....	8
I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN.....	8
1. Mục tiêu tổng thể.....	8
2. Mục tiêu cụ thể.....	8
II. CÁC NHÓM HỢP PHẦN CỦA DỰ ÁN	9
1. Nhóm hợp phần NHNN “Hiện đại hóa NHNN”: nhóm hợp phần này bao gồm 03 hợp phần: hợp phần NHNN.1, hợp phần NHNN.2 và hợp phần NHNN.3.....	9
2. Nhóm hợp phần CIC “Tăng cường năng lực CIC”	10
3. Nhóm hợp phần BHTG “Tăng cường năng lực BHTG”.....	10
III. CÁC CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ DỰ ÁN	11
IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN.....	11
V. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ, NGUỒN VỐN VÀ GIẢI NGÂN DỰ ÁN	11
VI. CÁC KẾT QUẢ CHÍNH CỦA DỰ ÁN (TÍNH ĐẾN HẾT 31/5/2014).....	12
CHƯƠNG II. QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	15
I. CƠ CẤU TỔ CHỨC	15
II. QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	17
1. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của NHNN Việt Nam (với vai trò là cơ quan chủ quản)	17
2. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của NHNN và BHTG (với vai trò là các chủ dự án).....	17
3. Ban Quản lý Dự án của NHNN (Ban QLDA).....	18
4. Các Tổ Quản lý chuyên môn - kỹ thuật thực hiện nhóm hợp phần NHNN và CIC (Tổ QLCM – KT).....	19
Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm, quyền hạn của các Tổ QLCM – KT được thực hiện theo Quyết định số 2228/QĐ-NHNN ngày 12/10/2011 của Thống đốc NHNN.	20
5. Các Tổ Triển khai các hệ thống CNTT thuộc nhóm hợp phần NHNN và CIC:	20
6. Ban Triển khai Dự án thuộc BHTG (Ban TKDA)	20
CHƯƠNG III. LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN	21
1. Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án: đã được ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 24/3/2010.....	21
2. Kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện Dự án	21
3. Kế hoạch đào tạo	22
4. Kế hoạch đấu thầu	22
5. Kế hoạch hành động về công tác quản lý, minh bạch và phòng chống tham nhũng (GTAP) thực hiện theo kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 01/4/2014 hoặc kế hoạch cập nhật (nếu có).	23
6. Kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch chi tiêu, kế hoạch rút vốn và giải ngân của Dự án thực hiện theo hướng dẫn tại Sổ tay Quản lý tài chính của Dự án.	23
CHƯƠNG IV. ĐẦU THẦU, MUA SẴM	24
I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	24
1. Yêu cầu và mục tiêu của công tác đấu thầu	24
2. Phạm vi áp dụng.....	24
3. Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu	24

4. Xung đột lợi ích và lợi thế cạnh tranh không công bằng	26
5. Liên kết giữa các nhà thầu.....	26
6. Mua sắm sai quy định	27
7. Gian lận và tham nhũng	28
8. Lưu trữ tài liệu về đấu thầu	29
9. Tổ chuyên gia đấu thầu	29
10. Gia hạn thời gian trong đấu thầu.....	29
11. Hủy bỏ tất cả các hồ sơ dự thầu và đấu thầu lại.....	29
II. PHÊ DUYỆT CÁC TÀI LIỆU, VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤU THẦU	30
1. Phê duyệt của WB	30
2. Phê duyệt của phía Việt Nam	31
III. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐẤU THẦU MUA SẮM ĐỐI VỚI HÀNG HÓA	33
1. Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB).....	33
2. Chào hàng cạnh tranh (shopping).....	39
IV. CÁC PHƯƠNG PHÁP TUYỂN CHỌN TƯ VẤN	40
1. Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chất lượng và chi phí (Quality- and Cost-Based Selection - QCBS)	40
2. Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chất lượng (Selection Based on Quality – QBS)	48
3. Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chi phí thấp nhất (Least Cost Selection – LCS)	49
4. Tuyển chọn tư vấn cá nhân (Individual Consultant – IC)	49
5. Tuyển chọn trên cơ sở năng lực của tư vấn (Selection Based on the Consultants' Qualifications - CQS)	51
CHƯƠNG V. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THÔNG TIN	
LIÊN LẠC CỦA DỰ ÁN	53
I. CÔNG TÁC GIÁM SÁT DỰ ÁN.....	53
II. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN	53
III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DỰ ÁN	54
1. Các báo cáo theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:	55
2. Các Báo cáo Dự án theo qui định tại Hiệp định tài trợ (theo quy định của WB).....	56
IV. CƠ CHẾ THÔNG TIN, LIÊN LẠC CỦA DỰ ÁN	56
1. Các phương thức thông tin liên lạc chính.....	56
2. Triển khai công tác thông tin liên lạc	56

TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ

Ban QLDA	Ban Quản lý Dự án của Ngân hàng Nhà nước
Ban TKDA	Ban Triển khai Dự án của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
BHTG	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam
CNTT	Công nghệ thông tin
GTAP	Kế hoạch hành động về công tác quản lý, minh bạch và phòng chống tham nhũng
HDMS	Hướng dẫn của WB về mua sắm đối với các khoản vay IBRD và IDA (tháng 5/2004, sửa đổi tháng 10/2006)
HDTV	Hướng dẫn tuyển chọn và thuê tư vấn do bên vay của WB thực hiện (tháng 5/2004, sửa đổi tháng 10/2006)
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
IBRD	Ngân hàng thế giới về tái thiết và phát triển
IDA	Hiệp hội phát triển quốc tế
IFR	Báo cáo tài chính Quý
KHĐT	Kế hoạch đấu thầu
KQĐG	Kết quả đánh giá
KQĐT	Kết quả đấu thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTW	Ngân hàng Trung ương
NOL	Thư không phản đối
NSNN	Ngân sách Nhà nước
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
PAD	Tài liệu thẩm định dự án
PHRD	Quỹ Phát triển nguồn nhân lực và Chính sách Nhật Bản
REOI	Thư mời bày tỏ quan tâm
STTV	Sổ tay dịch vụ tư vấn phiên bản năm 2006
TCTD	Tổ chức tín dụng
TOR	Điều khoản tham chiếu
Tổ Triển khai	Tổ triển khai hệ thống Công nghệ thông tin
WB	Ngân hàng Thế giới

CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN

- Hiệp định tài trợ Dự án được ký giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển Quốc tế ngày 21/4/2009;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án đã được Thống đốc NHNN phê duyệt tại Quyết định số 1919/QĐ-NHNN ngày 9/9/2008 và Quyết định số 1710/QĐ-NHNN ngày 23/7/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 1919;
- Quyết định số 985/QĐ-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc NHNN về việc phê duyệt và ban hành Sổ tay Quản lý Tài chính Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”, thay thế Quyết định số 1396/QĐ-NHNN ngày 16/7/2012;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ban hành ngày 26/11/2013, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ thay thế Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ;
- Hướng dẫn của WB về mua sắm đối với các khoản vay IBRD và IDA (tháng 5/2004, sửa đổi tháng 10/2006);
- Hướng dẫn tuyển chọn và thuê tư vấn do bên vay của WB thực hiện (tháng 5/2004, sửa đổi tháng 10/2006);
- Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 15/02/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ;
- Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013;
- Các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy định của nhà tài trợ.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TÁC ĐẦU THẦU, MUA SẴM

- Hiệp định tài trợ số 4505 – VN ký ngày 21/04/2009 giữa đại diện nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và WB về việc tài trợ cho Dự án FSMIMS; và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- Thư thỏa thuận số TF 093085 – VN ký ngày 21/04/2008 về việc tiếp nhận khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản được ủy thác qua WB đồng tài trợ cho Dự án FSMIMS;
- Hướng dẫn của WB về mua sắm đối với các khoản vay IBRD và IDA (tháng 5/2004, sửa đổi tháng 10/2006);
- Hướng dẫn tuyển chọn và thuê tư vấn do bên vay của WB thực hiện (tháng 5/2004, sửa đổi tháng 10/2006);
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ban hành ngày 26/11/2013, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Kế hoạch đấu thầu 18 tháng đầu của Dự án ban hành kèm theo Quyết định số 3215/QĐ-NHNN ngày 25/12/2009 của Thống đốc NHNN và các phiên bản cập nhật;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án FSMIMS đã được Thống đốc NHNN phê duyệt tại Quyết định số 1919/QĐ-NHNN ngày 9/9/2008 và Quyết định số 1710/QĐ – NHNN ngày 23/07/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1919.
- Quyết định số 622/QĐ-NHNN ngày 01/4/2014 của Thống đốc NHNN phê duyệt Kế hoạch hành động về công tác quản lý, minh bạch và phòng chống tham nhũng trong khuôn khổ Dự án FSMIMS.

CHƯƠNG I. TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu tổng thể

Mục tiêu dự án là hỗ trợ NHNN, CIC và BHTG cải thiện kết quả thực hiện các chức năng chính của mình theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan trong lĩnh vực ngân hàng, thông qua (a) xây dựng một hệ thống tập trung các quy trình nghiệp vụ tiên tiến và một kiến trúc công nghệ thông tin hiện đại; và (b) tăng cường năng lực thể chế để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể của Dự án đối với NHNN

Hiện đại hóa quy trình nghiệp vụ cho các chức năng cơ bản, trước hết là cho khối chính sách và khối thanh tra của NHNN và trang bị cho hai khối này các hệ thống xử lý dữ liệu và hệ thống phân tích hiện đại. Xây dựng hệ thống quản lý nguồn lực nội bộ, cải thiện xử lý thông tin nội bộ, cải thiện luồng báo cáo ra ngoài NHNN. NHNN cải tiến chế độ báo cáo thống kê, giảm gánh nặng và tăng hiệu quả sử dụng thông tin báo cáo từ các tổ chức tín dụng (TCTD). Xây dựng nền tảng CNTT theo hướng tập trung thống nhất, phục vụ đặc lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng của NHNN; đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn và sử dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ NHTW.

2.2. Mục tiêu cụ thể của Dự án đối với CIC

Phát triển hệ thống thông tin tín dụng đạt trình độ tiên tiến hiện đại về công nghệ, chuyên sâu về nghiệp vụ, nâng cao năng lực phân tích rủi ro tín dụng của khách hàng vay vốn nhằm hạn chế, ngăn ngừa rủi ro tín dụng, góp phần đảm bảo hệ thống ngân hàng phát triển an toàn, bền vững. củng cố, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tín dụng và hệ thống quản lý thông tin hiện đại cho nội bộ CIC.

2.3. Mục tiêu cụ thể của Dự án đối với BHTG

Hỗ trợ nâng cao năng lực đánh giá và quản lý rủi ro, thực hiện tốt hơn vai trò của BHTG trong việc bảo vệ người gửi tiền. Tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin, nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin để đảm bảo an toàn và vững mạnh cho hệ thống ngân hàng thông qua các báo cáo kịp thời và tin cậy cùng với các kỹ năng phân tích hiệu quả cao. Giúp BHTG phát triển trở thành một tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo mô hình tiên tiến, là thành viên tích cực của mạng an toàn tài chính quốc gia.

II. CÁC NHÓM HỢP PHẦN CỦA DỰ ÁN

Dự án bao gồm 3 nhóm hợp phần: (i) nhóm hợp phần của NHNN; (ii) nhóm hợp phần của CIC và (iii) nhóm hợp phần của BHTG. Cụ thể như sau:

1. Nhóm hợp phần NHNN “Hiện đại hóa NHNN”: nhóm hợp phần này bao gồm 03 hợp phần: hợp phần NHNN.1, hợp phần NHNN.2 và hợp phần NHNN.3.

1.1. Hợp phần NHNN.1 “Củng cố chức năng và sắp xếp, cải tiến quy trình nghiệp vụ của NHNN”

Hợp phần này nhằm hỗ trợ NHNN xây dựng một khuôn khổ thể chế và chính sách, năng lực quản lý thông tin và khuôn khổ ra quyết định. Kết quả đầu ra của hợp phần này là đầu vào quan trọng cho phần chi tiết kỹ thuật về yêu cầu người sử dụng và nhu cầu nghiệp vụ để xây dựng nền tảng CNTT mới cho việc quản lý thông tin của hợp phần NHNN.2. Các hoạt động chính là các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về áp dụng quy trình mới, các khóa khảo sát học tập, đào tạo chuyên sâu và đào tạo CNTT. Mục tiêu đạt được sẽ là (i) áp dụng các thông lệ và chuẩn quốc tế; (ii) đánh giá các thông lệ hiện hành cho NHNN, TCTD và thị trường tài chính; (iii) dựa trên các đánh giá toàn diện xây dựng và áp dụng quy trình nghiệp vụ, hỗ trợ chính sách và (iv) cung cấp đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau (đào tạo qua công việc, khóa học trên lớp và khảo sát về nghiệp vụ chuyên môn và CNTT).

1.2. Hợp phần NHNN.2 “Thiết kế và phát triển hạ tầng CNTT”

Đây là hợp phần chiếm tỷ trọng vốn đầu tư lớn nhất của Dự án (gần 90%), bao gồm thiết kế và xây dựng một nền tảng CNTT dựa trên các tiêu chuẩn CNTT quốc tế, có tính đến các thông lệ tốt nhất phù hợp với thực tiễn của Việt Nam cho NHNN với vai trò NHTW. Kết quả dự kiến của hợp phần này sẽ là tư vấn về hỗ trợ thiết kế, mua sắm và triển khai hệ thống, cung cấp và cài đặt phần cứng, phần mềm bao gồm cả các dịch vụ tích hợp hệ thống và xác nhận của Nhóm tư vấn quốc tế và kiểm tra xác nhận của bên thứ ba đối với thiết kế và triển khai hệ thống.

1.3. Hợp phần NHNN.3 “Quản lý dự án”

Hợp phần này hỗ trợ NHNN quản lý công tác triển khai Dự án để đảm bảo tuân thủ các quy định, hướng dẫn mua sắm và quản lý tài chính của WB, nhằm hỗ trợ triển khai Dự án đúng lịch trình và sự thông tin liên lạc tốt giữa các bên tham gia Dự án. Chi phí cho hợp phần này là từ nguồn vốn vay ưu đãi IDA, bao gồm chi phí cho tư vấn trong nước, đào tạo, đánh giá dự án, thông tin liên lạc, thiết bị văn phòng và kiểm toán.

2. Nhóm hợp phần CIC “Tăng cường năng lực CIC”

Nhóm hợp phần này bao gồm 2 hợp phần: hợp phần CIC.1 và hợp phần CIC.2.

2.1. Hợp phần CIC.1 “Củng cố chức năng CIC”

Nhằm hỗ trợ CIC sắp xếp lại quy trình nghiệp vụ, cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đào tạo kiến thức lập báo cáo tín dụng và trang bị những kỹ năng cần thiết để sử dụng những kiến thức và quy trình mới, khảo sát và đào tạo chuyên môn và CNTT. Kết quả là (i) báo cáo đánh giá và thiết kế các quy trình nghiệp vụ mới; (ii) nâng cao chất lượng các yêu cầu báo cáo thông tin tín dụng và (iii) chi tiết nhu cầu người sử dụng và các nhu cầu về nghiệp vụ.

2.2. Hợp phần CIC.2 “Phát triển hệ thống CNTT”

Hợp phần này nhằm hỗ trợ CIC mua sắm, cài đặt các hệ thống dữ liệu tập trung đáp ứng các yêu cầu về thu thập, lưu trữ, xử lý, phân tích và chia sẻ thông tin tín dụng. Kết quả đầu ra của hợp phần này tương tự như hợp phần NHNN.2 của NHNN.

3. Nhóm hợp phần BHTG “Tăng cường năng lực BHTG”

Nhóm hợp phần này bao gồm 3 hợp phần: hợp phần BHTG.1, hợp phần BHTG.2 và hợp phần BHTG.3.

3.1. Hợp phần BHTG.1 “Củng cố chức năng BHTG”

Nhằm hỗ trợ BHTG sắp xếp lại quy trình nghiệp vụ, cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đào tạo kiến thức và quy trình mới, khảo sát và đào tạo chuyên môn và CNTT. Kết quả là (i) quy trình nghiệp vụ mới và thủ tục chính sách hoạt động liên quan đến: đánh giá và dự báo tài sản rủi ro thuộc BHTG đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm, hỗ trợ tài chính và chi trả cho các Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tham gia bảo hiểm lớn hơn, lập kế hoạch và quản lý nguồn lực nội bộ của BHTG; (ii) báo cáo đánh giá, thiết kế quy trình nghiệp vụ mới; (iii) bộ tài liệu yêu cầu của người sử dụng về nghiệp vụ và hỗ trợ dài hạn của tư vấn đối với việc áp dụng quy trình và công cụ mới cũng như đánh giá chất lượng các sản phẩm mới này; (iv) xây dựng và chuyển giao hai chương trình đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và công nghệ thông tin; (v) báo cáo tổng hợp và truyền đạt kết quả nghiên cứu học tập kinh nghiệm quốc tế.

3.2. Hợp phần BHTG.2 “Phát triển hệ thống CNTT”

Hợp phần này sẽ hỗ trợ BHTG xây dựng năng lực về công nghệ để hỗ trợ tăng cường vai trò của BHTG. Kết quả đầu ra của hợp phần này tương tự như hợp phần NHNN.2 của NHNN.

3.3. Hợp phần BHTG.3 “Quản lý dự án”

Hợp phần này nhằm giúp BHTG quản lý thực hiện Dự án thuộc phạm vi BHTG, đảm bảo tuân thủ các quy định, hướng dẫn về mua sắm và quản lý tài chính của WB, hỗ trợ triển khai Dự án đúng lịch trình và sự thông tin liên lạc tốt giữa các bên tham gia của Dự án.

III. CÁC CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ DỰ ÁN

Cơ quan chủ quản:	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
Chủ Dự án:	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

NHNN thành lập Ban Quản lý Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” (Ban QLDA) chịu trách nhiệm thực hiện nhóm hợp phần NHNN và CIC của Dự án.

BHTG thành lập Ban Triển khai Dự án (Ban TKDA) chịu trách nhiệm thực hiện nhóm hợp phần BHTG của Dự án.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Theo Hiệp định tài trợ và Hiệp định đồng tài trợ PHRD được ký kết giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển Quốc tế ngày 21/4/2009, thời gian thực hiện Dự án là 6 năm, kết thúc ngày 31/12/2014. Dự kiến, Dự án sẽ gia hạn thêm 24 tháng và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

V. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ, NGUỒN VỐN VÀ GIẢI NGÂN DỰ ÁN

1. **Tổng vốn đầu tư:** 71,83 triệu USD

2. **Nguồn vốn:**

2.1. Vốn vay của WB

IDA cung cấp một khoản vay trị giá 38,2 triệu SDR (tương đương 60 triệu USD) với tỷ giá 1 SDR = 1,5731 USD (là tỷ giá áp dụng ngày 29/8/2008, ngày cuối cùng của tháng trước liền kề tháng diễn ra đàm phán), chiếm 83,5% tổng số vốn đầu tư Dự án.

2.2. Vốn đồng tài trợ PHRD

Khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản, trị giá 0,83 triệu USD, chiếm 1,2% tổng vốn đầu tư Dự án.

2.3. Vốn đối ứng

NHNN và BHTG bố trí hàng năm và tính vào chi phí nghiệp vụ tương ứng của NHNN (bao gồm cả CIC) và BHTG, trị giá 11 triệu USD, chiếm 15,3% tổng vốn đầu tư của Dự án.

Nguồn vốn vay IDA của WB và nguồn đồng tài trợ PHRD được Chính phủ tiếp nhận, phản ánh trong nguồn thu Ngân sách Nhà nước (NSNN) và phân bổ theo hình thức cấp phát ngân sách toàn bộ cho NHNN (bao gồm cả CIC) và BHTG.

3. Giải ngân:

Dự án áp dụng giải ngân theo các phương thức tạm ứng, hoàn trả, thanh toán trực tiếp và các cam kết đặc biệt. Ngày hết hạn giải ngân có thể trùng với ngày đóng khoản tín dụng hoặc trong vòng 04 tháng sau ngày đóng khoản tín dụng.

3.1. Đối với nguồn vốn vay IDA và vốn PHRD không hoàn lại

Dự án có 3 tài khoản chỉ định sử dụng đồng đôla Mỹ được mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cho nguồn vốn từ IDA và PHRD. NHNN và BHTG sẽ gửi trực tiếp đơn xin rút vốn cho WB, sau đó WB sẽ chuyển tiền trực tiếp tới các tài khoản đặc biệt tương ứng của NHNN và BHTG. 03 tài khoản đó là:

- 01 tài khoản vốn vay IDA và 01 tài khoản vốn không hoàn lại PHRD do Ban QLDA mở và quản lý;
- 01 tài khoản vốn vay IDA do Ban TKDA mở và quản lý.

3.2. Đối với nguồn vốn đối ứng

- Ban QLDA mở tài khoản tại Sở giao dịch NHNN để quản lý vốn đối ứng phân bổ cho nhóm hợp phần NHNN và CIC. Ban QLDA sẽ lập ngân sách hàng năm đối với vốn đối ứng cho 2 nhóm hợp phần này và sẽ tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của NHNN (bao gồm cả CIC) theo quy định trong nước hiện hành;

- Ban TKDA mở tài khoản vốn đối ứng tại Sở Giao dịch Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam, Ban TKDA chịu trách nhiệm quản lý nguồn vốn đối ứng được phân bổ cho nhóm hợp phần BHTG theo các quy định hiện hành trong nước.

VI. CÁC KẾT QUẢ CHÍNH CỦA DỰ ÁN (tính đến hết 31/5/2014)

1. Nhóm hợp phần NHNN và CIC:

a) Các gói thầu tư vấn:

- Gói thầu ST1 “Củng cố chức năng và sắp xếp lại quy trình nghiệp vụ cho NHNN và CIC”: ngày 14/1/2011, NHNN đã ký hợp đồng với nhà thầu thắng thầu đó là Tư vấn Ernst & Young HongKong. Trong phạm vi hợp đồng, đến ngày 31/8/2014, tư vấn đã hoàn thành toàn bộ các báo cáo đầu ra thuộc phần

nâng cao năng lực và được Thống đốc NHNN phê duyệt. Các báo cáo này sẽ là đầu vào cho việc xây dựng HSMT các gói thầu CNTT của Dự án. Từ tháng 9/2014, tư vấn đã và đang tiếp tục hỗ trợ NHNN trong hoạt động đấu thầu, lựa chọn nhà thầu cho các gói CNTT; lập các Báo cáo định kỳ 6 tháng về triển khai hệ thống và Báo cáo kết thúc Dự án.

- Gói thầu ST2: “Nhóm chuyên gia quốc tế về đảm bảo chất lượng”: hợp đồng đã được triển khai từ tháng 01/2012 và hoàn thành vào tháng 4/2013. Các sản phẩm đầu ra và ý kiến tư vấn của Nhóm chuyên gia cấp cao hợp đồng ST2 đã được NHNN cũng như WB đánh giá cao, đáp ứng yêu cầu của NHNN.

- Gói thầu ST4 “Tư vấn hỗ trợ Ban QLDA” bao gồm 05 gói thầu nhỏ: (i) gói thầu ST4.1 “Tư vấn các nhân chuẩn bị sổ tay quản lý tài chính”: hoàn thành tháng 06/2009; (ii) gói thầu ST4.2 “Tư vấn cá nhân chuẩn bị HSMT gói ST1”: hoàn thành tháng 01/2011; (iii) gói thầu ST4.3 “Thuê diễn giả cho hội thảo khởi động”: hoàn thành tháng 9/2009; (iv) gói thầu ST4.4 “Tư vấn cá nhân hỗ trợ đánh giá HSDT gói ST1”: hoàn thành tháng 01/2011; (v) gói thầu ST4.5 “Tư vấn cá nhân hỗ trợ Phó Thống đốc”: hoàn thành tháng 9/2012.

- Gói thầu ST5 “Chuyên gia tư vấn quốc tế về đấu thầu mua sắm” (triển khai từ tháng 10/2012 – 04/2014, dự kiến gia hạn đến hết tháng 12/2014);

- Gói thầu ST6.1 “Kiểm toán báo cáo tài chính đợt 1”: đã hoàn thành tháng 6/2013.

- Gói thầu ST6.2 “Kiểm toán báo cáo tài chính - giai đoạn 2”: đã ký hợp đồng với Công ty kiểm toán Deloitte. Thời gian triển khai hợp đồng từ 03/2014 – 11/2015.

b) Các gói thầu mua sắm hàng hóa:

Các gói thầu mua sắm hệ thống CNTT (chiếm khoảng 90% tổng vốn đầu tư của Dự án) đã được khởi động ngay từ đầu năm 2013 và được Ban QLDA giữ đúng tiến độ như đã cam kết với WB. Tình hình triển khai các gói thầu hàng hóa như sau:

- Gói thầu CG1 “Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC - các máy chủ chính, kho dữ liệu lõi, ứng dụng liên quan”: NHNN đã ký hợp đồng với nhà thầu thắng thầu là Liên danh FIS-DP. Hợp đồng bắt đầu triển khai từ tháng 10/2013, dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2014. Đến ngày 31/5/2014, Dự án đã thực hiện giải ngân được 34% giá trị hợp đồng cho nhà thầu;

- Gói thầu SG1.1 “Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN”: NHNN đã ký hợp đồng với nhà thầu Liên danh NEC-MITEC. Hợp đồng bắt đầu triển khai từ tháng 3/2014 và dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2014. Đến ngày

31/5/2014, Dự án đã thực hiện giải ngân được 20% giá trị hợp đồng cho nhà thầu;

- Gói thầu SG3.1 “Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho NHNN”: NHNN đã ký hợp đồng với Liên danh FIS-DP. Hợp đồng bắt đầu triển khai từ tháng 5/2014, dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2016.

- Gói thầu SG3.2 “Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực cho NHNN”: đã mở thầu ngày 22/4/2014, dự kiến ký hợp đồng trong tháng 8/2014;

- Gói thầu SG4 “Quản trị cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho NHNN”: đã phát hành HSMT ngày 25/3/2014; mở thầu ngày 4/6/2014; dự kiến ký hợp đồng trong tháng 9/2014;

- Gói thầu SG5.1 và SG5.2 “Mua sắm thiết bị cho Ban QLDA FSMIMS”: đã hoàn thành.

2. Nhóm hợp phần BHTG:

Đến tháng 6/2013, tư vấn gói thầu DT1 “Củng cố chức năng và quy trình nghiệp vụ cho BHTG” đã bàn giao cho BHTGVN các báo cáo: (i) Báo cáo thiết kế quy trình nghiệp vụ mới, (ii) Tài liệu yêu cầu người sử dụng, (iii) Báo cáo Hệ thống CNTT & truyền thông mới. Các tài liệu này đã được BHTGVN phê duyệt.

Trong năm 2013, BHTGVN hoàn thành công tác đấu thầu gói thầu DT2 “Quản lý thay đổi” và gói thầu DG2 “Mua sắm thiết bị văn phòng cho Ban TKDA”.

Gói thầu DG1 “Cung cấp, lắp đặt và tích hợp Hệ thống CNTT & truyền thông cho quy trình nghiệp vụ tiên tiến của BHTGVN” đang trong giai đoạn đấu thầu, dự kiến sẽ ký hợp đồng trong tháng 9/2014.

3. Các hoạt động khác:

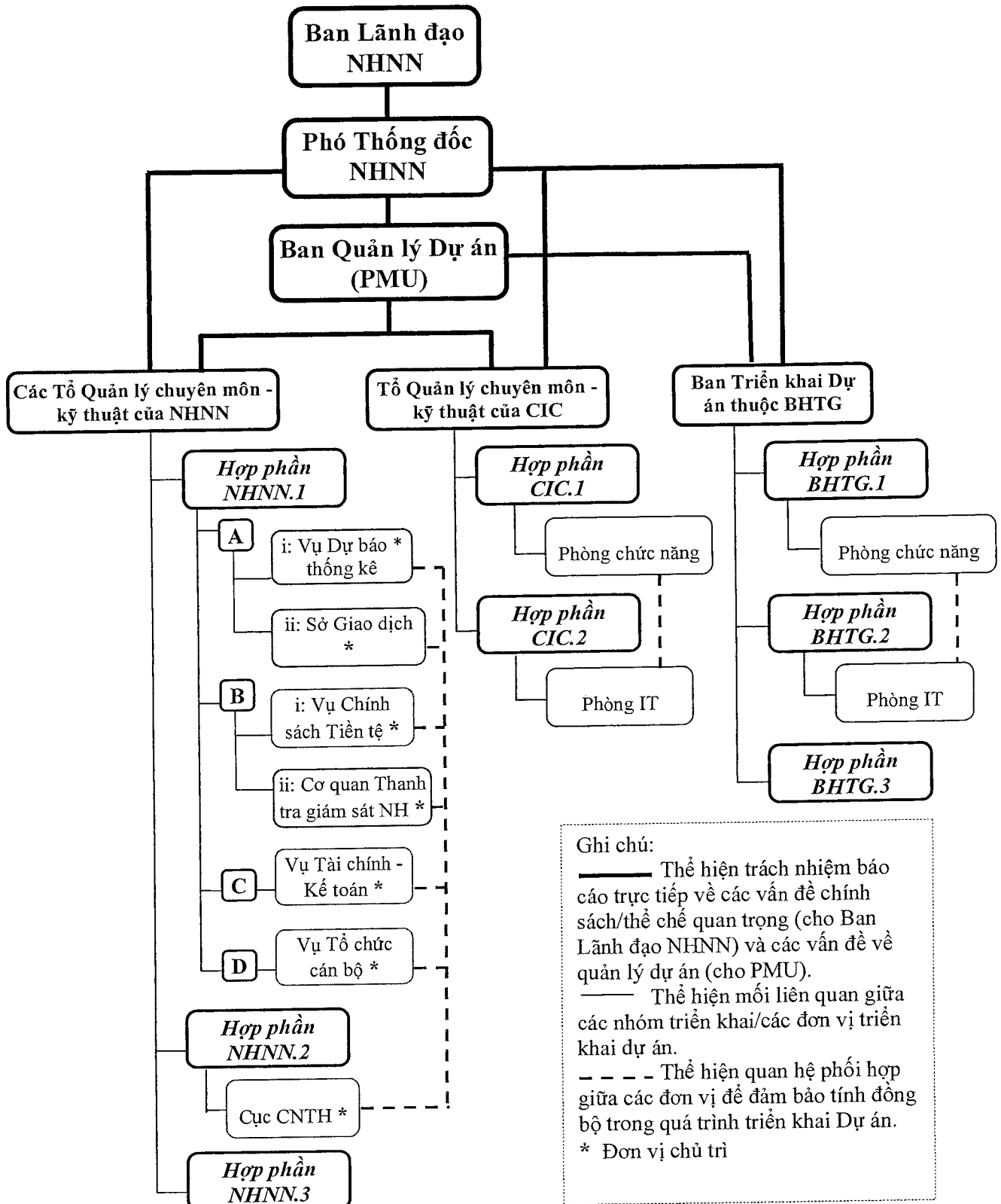
Bên cạnh việc triển khai các gói thầu của Dự án, Ban QLDA đã và đang triển khai các hoạt động đào tạo, khảo sát trong phạm vi Dự án FSMIMS; là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp và làm việc với các Đoàn công tác của WB, trong đó có Đoàn đánh giá giữa kỳ Dự án – tháng 5/2013.

Qua các đợt làm việc của Đoàn WB tại Việt Nam, NHNN và WB đã cùng thảo luận và thống nhất nhiều nội dung quan trọng trong triển khai Dự án FSMIMS như: gia hạn Dự án để đảm bảo đủ thời gian triển khai các gói thầu CNTT quan trọng của Dự án; điều chỉnh Khung kết quả Dự án; phương án sử dụng nguồn vốn tiết kiệm từ các hoạt động đấu thầu của Dự án; tăng cường công tác thông tin liên lạc giữa WB và NHNN để đẩy nhanh tiến độ Dự án ...

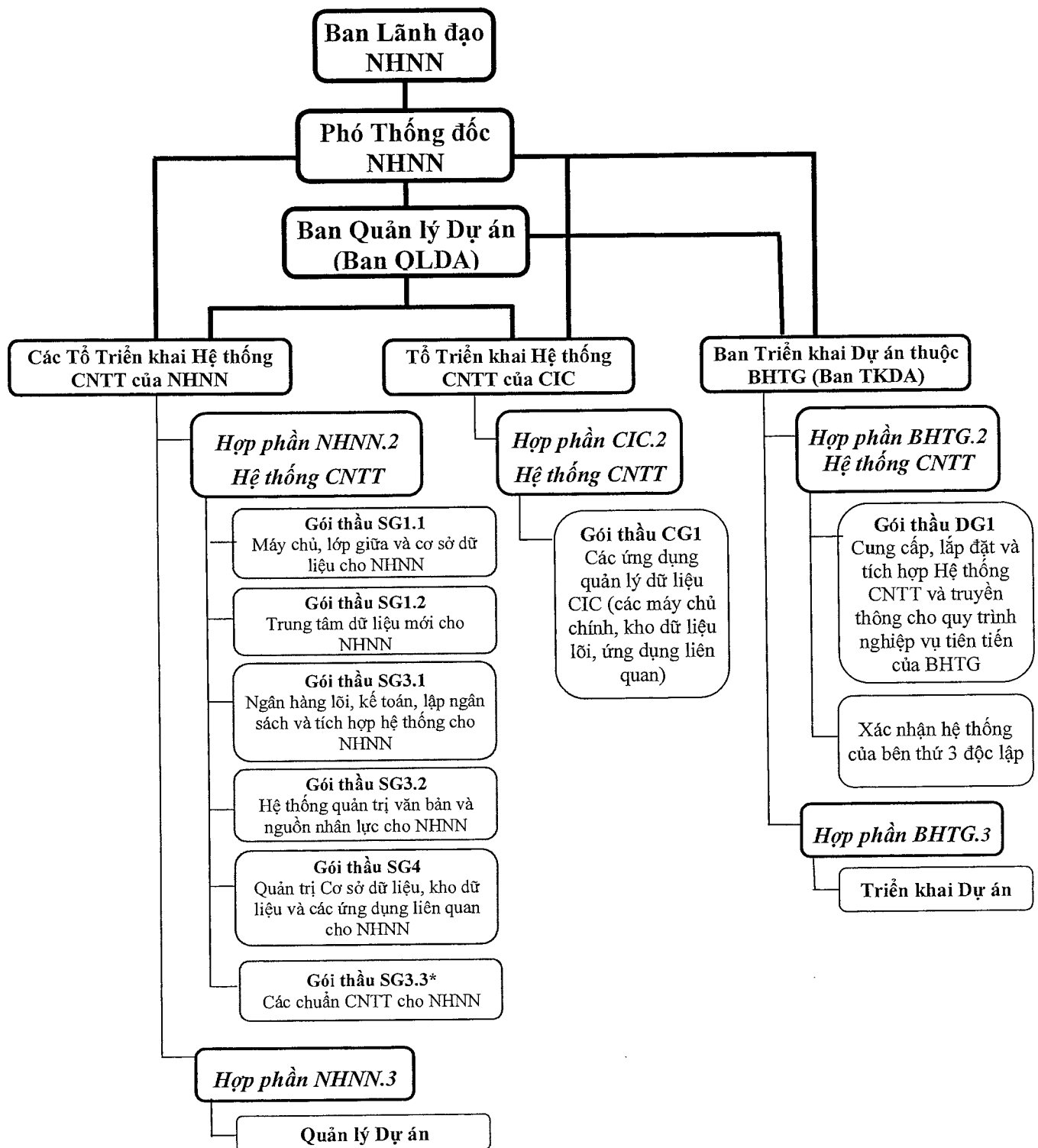
CHƯƠNG II. QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và thực hiện Dự án trong giai đoạn “Củng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ”



2. Cơ cấu tổ chức quản lý và thực hiện Dự án trong giai đoạn thiết kế, xây dựng hệ thống CNTT:



II. QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các bên liên quan chính trong quản lý thực hiện Dự án gồm: NHNN, BHTG, CIC, Ban Quản lý Dự án thuộc NHNN và Ban Triển khai Dự án thuộc BHTG. NHNN vừa đóng vai trò là cơ quan chủ quản của Dự án, vừa là chủ Dự án đối với nhóm hợp phần NHNN và CIC. BHTG là chủ Dự án của nhóm hợp phần BHTG. Nhiệm vụ, trách nhiệm của từng đơn vị được quy định như sau:

1. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của NHNN Việt Nam (với vai trò là cơ quan chủ quản)

Các nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 37 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013.

- Quyết định việc tổ chức bộ máy quản lý thực hiện chương trình, dự án.
- Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án; tổng hợp và phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn hàng năm của chương trình, dự án.
- Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.
- Tổ chức giám sát và đánh giá tình hình thực hiện, đảm bảo chương trình, dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra.
- Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các sai phạm trong công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý của mình.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi về chương trình, dự án.

2. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của NHNN và BHTG (với vai trò là các chủ dự án)

Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ ban hành về Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

- Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện chương trình, dự án.
- Chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tài trợ cho chương trình, dự án từ khi chuẩn bị, thực hiện đến khi đưa chương trình, dự án vào khai thác sử dụng.
- Lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án, kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, kế hoạch vốn hàng năm.
- Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về

đấu thầu.

- Đàm phán, ký kết, giám sát việc thực hiện các hợp đồng và xử lý các vi phạm hợp đồng.

- Thực hiện giám sát và đánh giá chương trình, dự án nhằm đảm bảo chương trình, dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra.

- Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý và thực hiện dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của dự án.

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi về chương trình, dự án.

3. Ban Quản lý Dự án của NHNN (Ban QLDA)

3.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban QLDA

- Xây dựng, trình Thống đốc phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm về thực hiện Dự án được giao; tổ chức thực hiện sau khi được Thống đốc phê duyệt.

- Thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, tổ chức đấu thầu, giải ngân và sử dụng vốn vay của Dự án theo quy định của NHNN, của pháp luật Việt Nam và phù hợp với các quy định của nhà tài trợ.

- Tổ chức nghiệm thu, bàn giao, quyết toán Dự án theo quy định của NHNN và của pháp luật.

- Tổ chức theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật và yêu cầu của nhà tài trợ.

- Làm đầu mối liên hệ với các nhà tài trợ về các vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tập hợp, phân loại, lưu trữ thông tin, tư liệu gốc liên quan đến Dự án theo quy định của pháp luật và nhà tài trợ.

- Cung cấp thông tin chính xác và trung thực cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, nhà tài trợ, các cơ quan thông tin đại chúng và cá nhân liên quan trong khuôn khổ nhiệm vụ và trách nhiệm được giao theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan huy động các nguồn vốn hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện Dự án được giao.

- Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc NHNN tổ chức các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ trong phạm vi quy định của Dự

án.

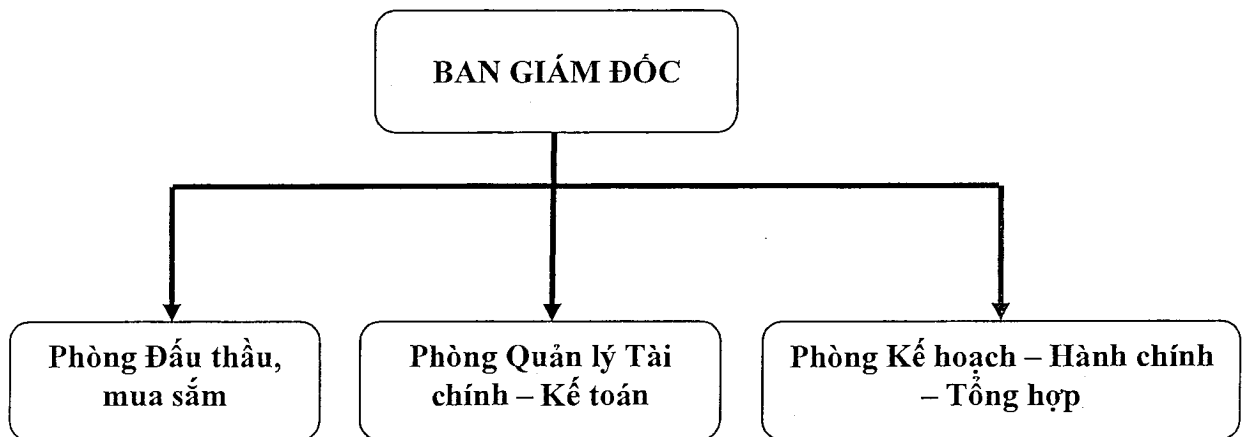
- Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của NHNN, pháp luật và phù hợp với các quy định của nhà tài trợ.

- Thực hiện quản lý và sử dụng cán bộ, công chức theo phân cấp, ủy quyền của Thống đốc. Quản lý biên chế, đánh giá, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người lao động và hồ sơ cán bộ, công chức thuộc Ban QLDA theo quy định của NHNN và của pháp luật. Ký hợp đồng với người lao động có thời hạn theo nhu cầu công việc và trả tiền công, tiền thù lao bằng nguồn kinh phí của Dự án theo quy định của NHNN và của pháp luật. Thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức và người lao động thuộc Ban QLDA theo quy định của NHNN và của pháp luật.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của NHNN và cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thống đốc giao.

3.2. Cơ cấu tổ chức Ban QLDA



4. Các Tổ Quản lý chuyên môn - kỹ thuật thực hiện nhóm hợp phần NHNN và CIC (Tổ QLCM – KT)

Các Tổ QLCM – KT có nhiệm vụ tham mưu cho Thống đốc NHNN về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi Dự án FSMIMS. Theo Quyết định số 2167/QĐ-NHNN ngày 30/9/2011 của Thống đốc NHNN, có 10 Tổ Quản lý chuyên môn - kỹ thuật được thành lập, gồm:

- Tổ QLCM – KT “Cải tiến chế độ báo cáo, thu thập và sử dụng thông tin thị trường”
- Tổ QLCM – KT “Triển khai hệ thống ngân hàng lõi”
- Tổ QLCM – KT “Tăng cường chức năng chính sách”

- Tổ QLCM – KT “Tăng cường chức năng Thanh tra, giám sát”
- Tổ QLCM – KT “Cải tiến quy trình kế toán, xây dựng năng lực lập báo cáo tài chính và lập kế hoạch ngân sách của NHNN”
- Tổ QLCM – KT “Quản lý và lập kế hoạch nguồn nhân lực”
- Tổ QLCM – KT “Quản lý văn bản và điều hành”
- Tổ QLCM – KT “Quy trình kiểm toán nội bộ”
- Tổ QLCM – KT “Thiết kế và phát triển hệ thống Công nghệ tin học”
- Tổ QLCM – KT “Thực hiện nhóm hợp phần Trung tâm thông tin tin dụng”

Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm, quyền hạn của các Tổ QLCM – KT được thực hiện theo Quyết định số 2228/QĐ-NHNN ngày 12/10/2011 của Thống đốc NHNN.

5. Các Tổ Triển khai các hệ thống CNTT thuộc nhóm hợp phần NHNN và CIC:

Để chuẩn bị nguồn lực cho việc triển khai, tiếp nhận và đưa sản phẩm của các gói thầu hệ thống CNTT vào vận hành thực tế, NHNN thành lập các Tổ Triển khai hệ thống CNTT (gọi tắt là Tổ Triển khai). Thành phần tham gia các Tổ Triển khai là đại diện của Cục Công nghệ tin học, Ban QLDA và các đơn vị trực tiếp thụ hưởng hệ thống.

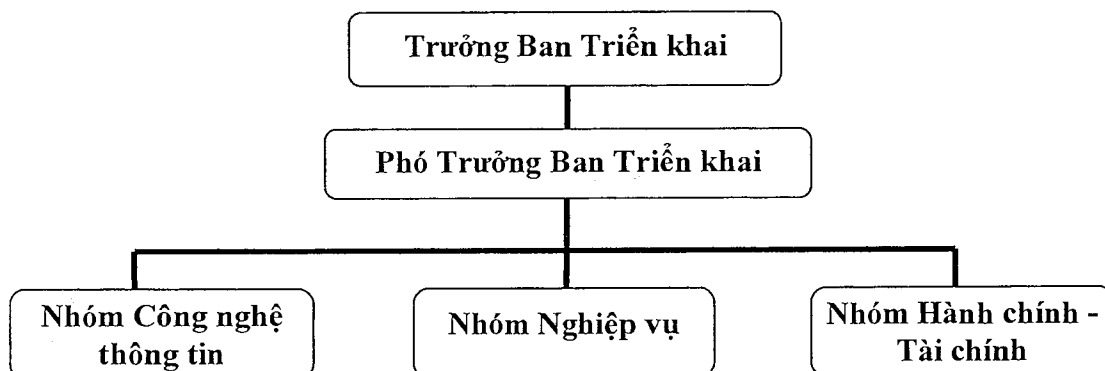
Tổ Triển khai thực hiện các nhiệm vụ do Thống đốc NHNN giao.

6. Ban Triển khai Dự án thuộc BHTG (Ban TKDA)

6.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TKDA

Ban Triển khai Dự án giúp Hội đồng quản trị BHTG và Tổng Giám đốc BHTG tổ chức triển khai nhóm hợp phần BHTG của Dự án trên cơ sở các quy định có liên quan nhằm phối hợp chặt chẽ với Ban QLDA của NHNN trong việc thực hiện Dự án.

6.2. Cơ cấu tổ chức của Ban TKDA



CHƯƠNG III. LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN

Kế hoạch xây dựng trong phạm vi Dự án gồm: Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án; Kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện Dự án; Kế hoạch đào tạo của Dự án; Kế hoạch đấu thầu của Dự án; Kế hoạch hành động tăng cường công tác quản lý và minh bạch về đấu thầu mua sắm (GTAP); Kế hoạch tài chính năm; Kế hoạch chi tiêu; Kế hoạch rút vốn và giải ngân.

Trong quá trình phối hợp xây dựng các kế hoạch, Ban QLDA là đơn vị chủ trì, với sự phối hợp của các đơn vị khác.

Nội dung, quy trình xây dựng từng loại kế hoạch được quy định như sau:

1. Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án: đã được ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 24/3/2010.

2. Kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện Dự án

2.1. Nội dung của kế hoạch chi tiết hàng năm

Kế hoạch chi tiết hàng năm bao gồm các nội dung sau:

- Các hợp phần, hạng mục và hoạt động chính;
- Nguồn vốn;
- Tiến độ thực hiện dự kiến.

2.2. Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện Dự án

a. Tại Ban QLDA:

- Bước 1: Ban QLDA xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện Dự án (nhóm hợp phần NHNN và nhóm hợp phần CIC) trước 15/12 của năm trước liền kề;
- Bước 2: Ban QLDA tổng hợp Kế hoạch chi tiết toàn Dự án trước 20/12 của năm trước liền kề (bao gồm cả nhóm hợp phần BHTG);
- Bước 3: Ban QLDA trình Thống đốc phê duyệt trước 31/12 của năm trước liền kề;
- Bước 4: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch được phê duyệt, Ban QLDA gửi cho WB, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan Quyết định phê duyệt kèm theo Kế hoạch chi tiết để phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện Dự án.

b. Tại Ban TKDA:

- Bước 1: Ban TKDA làm đầu mối phối hợp với các phòng, ban của BHTG xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm và trình người có thẩm quyền của BHTG phê duyệt;

- Bước 2: chậm nhất ngày 15/12 của năm trước liền kề, Ban TKDA gửi Ban QLDA kế hoạch đã được người có thẩm quyền của BHTG phê duyệt để xem xét, tổng hợp chung.

c. Định kỳ 6 tháng, Ban QLDA và Ban TKDA có trách nhiệm rà soát kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án và đề xuất sửa đổi, cập nhật (nếu cần thiết).

3. Kế hoạch đào tạo

3.1. Đào tạo tăng cường năng lực cho Ban QLDA/Ban TKDA (Hợp phần NHNN.3 và BHTG.3)

a. Nội dung của kế hoạch đào tạo

Căn cứ thực tế triển khai và nhu cầu đào tạo, Kế hoạch đào tạo sẽ được xây dựng cho thời gian 6 tháng hoặc cả năm bao gồm các nội dung sau:

- Chủ đề, hoạt động (hội thảo, tọa đàm, khóa học...);
- Thời gian thực hiện;
- Cá nhân/ Đơn vị tổ chức đào tạo;
- Địa điểm đào tạo;
- Dự kiến chi phí.

b. Quy trình xây dựng và tổ chức đào tạo

- Bước 1: Ban QLDA xây dựng Kế hoạch đào tạo gửi WB xin ý kiến “Không phản đối”. Đối với kế hoạch cả năm: trước 31/12; đối với kế hoạch 6 tháng: trước 31/5 và 31/12 hàng năm; (Ban TKDA xây dựng Kế hoạch đào tạo trình cấp thẩm quyền phê duyệt và gửi Ban QLDA tổng hợp trước ngày 15/12 hàng năm);

- Bước 2: Ban QLDA trình Thống đốc phê duyệt kế hoạch đào tạo chung của toàn Dự án (đã có ý kiến “Không phản đối” của WB);

- Bước 3: Ban QLDA/Ban TKDA phối hợp với các bên liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt.

3.2. Đào tạo trong các hợp đồng của Dự án:

Ban QLDA/Ban TKDA phối hợp với nhà thầu/tư vấn và các bên liên quan triển khai các khóa đào tạo trong khuôn khổ hợp đồng các gói thầu.

4. Kế hoạch đấu thầu

4.1. Nội dung của Kế hoạch đấu thầu

Kế hoạch đấu thầu phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu;
- Thời gian lựa chọn nhà thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

4.2. Quy trình xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện kế hoạch đấu thầu tổng thể tại Ban QLDA

Kế hoạch đấu thầu cho 18 tháng đầu tiên đã được WB và NHNN phê duyệt. Ban QLDA có trách nhiệm cập nhật kế hoạch đấu thầu tổng thể của Dự án. Việc cập nhật kế hoạch đấu thầu tổng thể căn cứ vào yêu cầu và thực tiễn triển khai Dự án. Các bước thực hiện cụ thể như sau:

- Bước 1: Ban QLDA dự thảo KHĐT tổng thể cập nhật;
- Bước 2: Ban QLDA gửi dự thảo KHĐT cập nhật cho WB để xin NOL;
- Bước 3: Sau khi nhận được NOL của WB về KHĐT cập nhật, Ban QLDA trình Phó Thống đốc phụ trách xem xét, phê duyệt KHĐT cập nhật;
- Bước 4: Đăng tải KHĐT cập nhật lên báo chí, website theo quy định và gửi các bên liên quan phối hợp thực hiện.

4.3. Kế hoạch triển khai từng gói thầu

Khi triển khai từng gói thầu, Ban QLDA/Ban TKDA lập kế hoạch triển khai cho từng gói thầu, làm cơ sở theo dõi, thực hiện và đánh giá. Ban TKDA có trách nhiệm gửi Ban QLDA kế hoạch chi tiết triển khai các gói thầu để làm cơ sở theo dõi, đôn đốc.

5. Kế hoạch hành động về công tác quản lý, minh bạch và phòng chống tham nhũng (GTAP) thực hiện theo kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 01/4/2014 hoặc kế hoạch cập nhật (nếu có).

6. Kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch chi tiêu, kế hoạch rút vốn và giải ngân của Dự án thực hiện theo hướng dẫn tại Sổ tay Quản lý tài chính của Dự án.

CHƯƠNG IV. ĐẤU THẦU, MUA SẮM

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Yêu cầu và mục tiêu của công tác đấu thầu

- Đạt được hiệu quả kinh tế trong việc thực hiện Dự án;
- Tạo điều kiện cạnh tranh cho các nhà thầu hợp lệ;
- Khuyến khích phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ của quốc gia của Chủ đầu tư;
- Đảm bảo sự minh bạch của quá trình mua sắm;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ tư vấn.

2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng đối với tất cả các hợp đồng được tài trợ toàn bộ hoặc chỉ một phần bằng nguồn vốn ODA trong phạm vi Dự án FSMIMS.

Các phương pháp đấu thầu được áp dụng cụ thể cho từng gói thầu được quy định chi tiết trong Kế hoạch đấu thầu, mua sắm (KHĐT), được xây dựng dựa trên các quy định trong Hiệp định tài trợ. Việc áp dụng một phương pháp đấu thầu không được nêu trong Hiệp định tài trợ phải được sự đồng ý trước của WB.

3. Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu

WB quy định cụ thể về tư cách hợp lệ của các nhà thầu khi tham gia đấu thầu cạnh tranh để cung cấp hàng hóa, công trình hay dịch vụ tư vấn cho các hợp đồng do WB tài trợ.¹

Theo quy định của Việt Nam về đấu thầu, nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức có tư cách hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:²

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu, nhà đầu tư đang hoạt động cấp;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- ¹ Mục 1.6, 1.7, 1.8, HDMS; Mục 1.11, HDTV.

- ² Điều 5, Luật Đấu thầu số 43/2017/QH14

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
- Phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước đối với nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

Theo quy định, nhà thầu, nhà đầu tư là cá nhân có tư cách hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:¹

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;
- Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.

Ngoài ra, để bảo đảm cạnh tranh, Luật Đấu thầu quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như sau:²

- Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển.

- Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

- + Chủ đầu tư, bên mời thầu;
- + Các nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó;
- + Các nhà thầu khác cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế.

- Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu thực hiện hợp đồng, nhà thầu tư vấn kiểm định gói thầu đó.

- ¹ Điều 5, Luật Đấu thầu số 43.

- ² Điều 6, Luật Đấu thầu số 43.

- Nhà đầu tư tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

- + Nhà thầu tư vấn đấu thầu đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án;
- + Nhà thầu tư vấn thẩm định dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án;
- + Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu.

4. Xung đột lợi ích và lợi thế cạnh tranh không công bằng

4.1. Quy định của WB

WB yêu cầu tư vấn phải đảm bảo thực hiện công việc một cách chuyên nghiệp, khách quan, trung lập và luôn đặt lợi ích của khách hàng lên trên hết và phải tránh trường hợp xảy ra xung đột giữa công việc đang thực hiện với các công việc khác hoặc với lợi ích riêng của họ. Nhà thầu tư vấn sẽ không được thuê trong các trường hợp bị coi là xung đột lợi ích.¹

4.2. Quy định của Việt Nam

Theo Luật Đấu thầu, để bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển.²

Những hành vi vi phạm có thể dẫn tới xung đột lợi ích, bị cấm trong đấu thầu được quy định chi tiết tại Điều 89, Luật Đấu thầu.

5. Liên kết giữa các nhà thầu

5.1. Quy định của WB

Các nhà thầu có thể liên kết với nhau dưới hình thức liên danh hoặc một thỏa thuận tư vấn phụ để bổ sung cho các lĩnh vực chuyên môn tương ứng của mình, tăng cường đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ thầu của họ và tạo được Nhóm chuyên gia lớn hơn, đưa ra các phương pháp và cách tiếp cận tốt hơn, và trong một số trường hợp có thể chào giá thấp hơn. Sự liên kết như vậy có thể là dài hạn (độc lập với bất kỳ công việc cụ thể nào), hoặc cho một công việc cụ thể.

- ¹ Mục 1.9, HDTV; Chương 4, STTV.

- ² Khoản 1, Điều 11, Luật Đấu thầu số 43.

Nếu bên vay thuê một nhà thầu dưới dạng một liên danh thì tư vấn liên kết này phải cử ra một trong số các công ty thành viên là làm đại diện cho liên danh. Tất cả các thành viên của liên danh phải ký hợp đồng sẽ cùng nhau và riêng rẽ chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ công việc. Trong gói thầu dịch vụ tư vấn, một khi danh sách ngắn được xác định và HSMT được phát hành thì bất kỳ sự liên kết nào dưới dạng liên danh hoặc thầu phụ giữa các công ty thuộc các công ty thuộc danh sách ngắn sẽ chỉ được chấp thuận khi có sự chấp thuận của bên vay.¹

Mỗi nhà thầu chỉ được tham gia trong một hồ sơ dự thầu đối với một gói thầu với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ người đứng đầu của liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu.²

5.2. Quy định của Việt Nam

Khi nhà thầu là một liên danh, thì đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo quy định trong văn bản thỏa thuận liên danh. Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh: trong thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.³

6. Mua sắm sai quy định

6.1. Quy định của WB

WB không tài trợ cho các khoản chi cho hàng hoá và công trình xây lắp mua sắm không theo đúng các thủ tục đã thỏa thuận trong Hiệp định vay và như được trình bày trong Kế hoạch đấu thầu, mua sắm. Trong những trường hợp như vậy, WB sẽ tuyên bố mua sắm sai quy định, và chính sách của WB là huỷ bỏ phần vốn vay phân bổ cho những hàng hoá và công trình xây lắp đã mua sắm sai quy định. Hơn nữa, WB có thể thực hiện các biện pháp chấn chỉnh khác theo Hiệp định tài trợ. Ngay cả khi hợp đồng được trao sau khi có “thư không phản đối” (NOL) của WB, WB vẫn có thể tuyên bố mua sắm sai quy định nếu WB kết luận rằng NOL được đưa ra trên cơ sở thông tin không đầy đủ, không chính xác, hoặc sai lệch do Bên vay cung cấp, hoặc các điều khoản và điều kiện của hợp

- ¹ Mục 1.13, HDTV.

- ² Mục 4, Chương 3, STTV.

- ³ Khoản 3, Điều 5, Luật Đấu thầu số 43.

đồng đã bị sửa đổi mà không có sự phê duyệt của WB.¹

Trong quá trình xét duyệt quy trình tuyển chọn tư vấn, WB có thể phát hiện ra trường hợp bên vay không tuyển chọn các tư vấn phù hợp với các điều khoản trong Hiệp định tài trợ và các điều khoản chi tiết hơn trong KHĐT đã được phê duyệt bởi WB. Ví dụ, chuyên gia tư vấn không đủ năng lực, hoặc các điều khoản hợp đồng đã ký kết hoặc chuẩn bị ký kết không đáp ứng yêu cầu của WB. WB cũng có thể cho rằng NOL đã được phát hành dựa trên các thông tin không đầy đủ, không chính xác hoặc bị sai lệch. WB sẽ rút lại NOL và yêu cầu Bên vay sửa chữa sai sót. Nếu Bên vay không thực hiện, WB sẽ tuyên bố “mua sắm sai quy định.”²

Khi mua sắm sai quy định được tuyên bố, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt, các khoản tiền vay phân bổ cho dịch vụ tư vấn, bao gồm cả phần dự phòng số lượng và dự phòng giá trị sẽ bị huỷ bỏ. Nếu bất kỳ khoản tiền nào đã được rút vốn từ khoản vay phục vụ cho hoạt động mua sắm sai quy định, WB sẽ có những biện pháp phù hợp nhằm thu hồi lại khoản tiền đã giải ngân.³

Hàng hoá, công trình, dịch vụ nếu không được mua sắm theo đúng trình tự đã được quy định trong Hiệp định tài trợ và KHĐT đã được WB chấp thuận sẽ không được WB tài trợ. Trong trường hợp đó, WB sẽ tuyên bố “mua sắm sai quy định”. Phần vốn vay phân bổ cho các dịch vụ, hàng hóa, công trình mua sắm sai quy định sẽ bị huỷ bỏ.⁴

6.2. Quy định của Việt Nam

Các hành vi bị cấm trong đấu thầu gây ra mua sắm sai quy định, và các chế tài xử lý vi phạm được quy định cụ thể trong Điều 89, Luật Đấu thầu.

7. Gian lận và tham nhũng

Theo các hướng dẫn của WB, có định nghĩa và đưa ra cách xử lý các hành vi tham nhũng, gian lận, cấu kết thông đồng, ép buộc và cản trở.⁵

Trong Luật Đấu thầu, các hành vi được xem là tham nhũng, gian lận, cấu kết, thông đồng, cản trở là các hành vi bị cấm trong đấu thầu.⁶

- ¹ Mục 1.12, HDMS; Mục 1.17, HDTV.

- ² Mục 6, Chương 3, STTV.

- ³ Mục 6, Chương 3, STTV.

- ⁴ Mục 1.17, HDTV.

- ⁵ Mục 1.14, HDMS; Mục 1.22, HDTV; Chương 5, STTV.

- ⁶ Điều 89, Luật Đấu thầu số 43.

8. Lưu trữ tài liệu về đấu thầu

Các tài liệu về đấu thầu phải được lưu trữ, bảo mật theo quy định để WB cũng như các cơ quan có thẩm quyền có thể kiểm tra, xem xét.

9. Tổ chuyên gia đấu thầu

Tổ xây dựng hồ sơ mời thầu do chủ đầu tư thành lập. Tổ xây dựng HSMT có nhiệm vụ rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ mời thầu, gửi WB có ý kiến “Không phản đối” và trình Thống đốc NHNN phê duyệt.

Tổ chuyên gia đấu thầu do bên mời thầu thành lập¹. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chuyên gia đấu thầu được quy định tại Điều 76, Luật Đấu thầu. Yêu cầu đối với cá nhân là thành viên Tổ chuyên gia đấu thầu được quy định tại Điều 16, Luật Đấu thầu.

Tổ thẩm định do chủ đầu tư thành lập. Tổ thẩm định có nhiệm vụ thẩm định, lập báo cáo thẩm định đối với hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

10. Gia hạn thời gian trong đấu thầu

Việc gia hạn trong đấu thầu được xem là việc xử lý tình huống trong đấu thầu, được quy định như sau:

- Theo quy định của WB: nếu Bên vay yêu cầu gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu để hoàn tất quá trình đánh giá, làm các thủ tục phê duyệt cần thiết và để trao hợp đồng, trước hết bên vay phải xin ý kiến chấp thuận của WB về đề nghị gia hạn lần thứ nhất nếu thời gian xin gia hạn là trên 4 tuần và tất cả những lần gia hạn sau, không phụ thuộc vào thời gian xin gia hạn.

- Theo quy định của Việt Nam, trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và phải bảo đảm tiến độ dự án.²

11. Hủy bỏ tất cả các hồ sơ dự thầu và đấu thầu lại

11.1. Quy định của WB

Việc hủy bỏ tất cả các HSDT và tiến hành đấu thầu lại chỉ quy định chi tiết Mục 2.61-64 HDTV; Mục 2.30 HDTV. Trước khi hủy bỏ tất cả các HSDT và đấu thầu lại, cần tham khảo ý kiến của các cấp có thẩm quyền và WB. Trường hợp nếu giá dự thầu vượt quá dự toán được duyệt, Ban quản lý có thể xem xét khả năng tăng ngân sách hoặc đàm phán với nhà thầu để giảm quy mô công việc để đạt được giá trị hợp đồng mong muốn sau khi tham khảo ý kiến WB. Tuy

- ¹ Khoản 1, Điều 75, Luật Đấu thầu số 43.

- ² Điều 12, Luật Đấu thầu số 43.

nhiên, việc cắt giảm quá lớn khối lượng công việc sẽ không được chấp nhận vì ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

11.2. Quy định của Việt Nam

Quy định của Việt Nam về các trường hợp hủy đấu thầu như sau:¹

- Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
- Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
- Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án.
- Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

II. PHÊ DUYỆT CÁC TÀI LIỆU, VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤU THẦU

1. Phê duyệt của WB

WB sẽ xem xét các quyết định đấu thầu mua sắm của chủ đầu tư để đảm bảo thủ tục quy trình đấu thầu mua sắm đã tiến hành là phù hợp với các quy định trong Hiệp định tài trợ, HDMS, HDTV. Việc xem xét này bao gồm 2 thủ tục: xét duyệt trước và xét duyệt sau. Việc phê duyệt của WB được thể hiện bằng phát hành NOL.

Trừ phi IDA (WB) và NHNN có thỏa thuận khác, nếu không thì các hợp đồng dưới đây sẽ theo thủ tục xét duyệt trước của WB:

(a) Hợp đồng hàng hoá có giá trị từ 100.000 USD trở lên, và tất cả hợp đồng theo phương thức mua sắm trực tiếp;

(b) Hợp đồng tư vấn với công ty tư vấn có giá trị dự kiến từ 100.000 USD trở lên;

(c) Hợp đồng tư vấn ký với cá nhân theo phương thức SSS có giá trị dự kiến từ 50.000 USD trở lên, các yêu cầu cần đáp ứng: (i) báo cáo so sánh về năng lực và kinh nghiệm của ứng viên; TOR và các điều kiện thuê tuyển tư vấn phải gửi WB để xem xét và phê duyệt trước; (ii) chỉ được trao hợp đồng sau khi WB phê duyệt; (iii) tuân theo quy định ở Đoạn 3 và 5, Phụ lục 1, HDTV.

Tất cả các hợp đồng khác sẽ tuân theo thủ tục Xét duyệt sau của WB.

- ¹ Điều 17, Luật Đấu thầu số 43/

Trong quá trình chuẩn bị dự án, KHĐT cho 18 tháng đầu tiên của dự án đã được lập và được hai bên thống nhất trong đợt đàm phán. KHĐT này sẽ được cập nhật hàng năm hoặc khi cần thiết cho 18 tháng tiếp theo của quá trình thực hiện dự án và đệ trình cho WB xem xét chấp thuận.¹

1.1. Xét duyệt trước

Những tài liệu sau đây chịu sự xét duyệt trước của WB trong khuôn khổ Dự án FSMIMS:

- Thư mời bày tỏ quan tâm (REOI) đối với các gói thầu tư vấn;
- Danh sách ngăn đối với các gói thầu tư vấn;
- Hồ sơ mời thầu (trong đó gồm TOR đối với các gói thầu tư vấn);
- Đánh giá đề xuất, hồ sơ dự thầu (đánh giá đề xuất kỹ thuật đối với các gói thầu tư vấn, đánh giá tổng hợp đề xuất kỹ thuật và tài chính với các gói thầu tư vấn, đánh giá HSDT đối với gói thầu hàng hóa);
- Đàm phán hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Đây là những tài liệu bắt buộc phải có ý kiến của WB trước khi tiến hành bước tiếp theo. Việc gửi những tài liệu đấu thầu không nằm trong danh mục nêu trên phải xin ý kiến của WB do Ban QLDA/Ban TKDA xem xét và quyết định.

1.2. Xét duyệt sau

Đối với các hợp đồng không thuộc diện xét duyệt trước như đã nêu ở trên, WB sẽ áp dụng thủ tục xét duyệt sau. Trong trường hợp đó, Ban QLDA/Ban TKDA có thể tiến hành các bước mua sắm mà không cần có sự kiểm tra trước và lấy thư Không phản đối của WB, kể cả việc trao thầu và ký hợp đồng. Tất cả các tài liệu mua sắm liên quan phải được lưu giữ đầy đủ tại văn phòng dự án để cán bộ WB kiểm tra vào thời điểm thích hợp trên cơ sở lựa chọn mẫu bất kỳ. Khi xác định việc trao hợp đồng không đúng trình tự, thủ tục quy định, WB sẽ tuyên bố việc mua sắm sai quy định.

2. Phê duyệt của phía Việt Nam

Quy trình phê duyệt các tài liệu, văn bản liên quan đến đấu thầu trong khuôn khổ Dự án sẽ được thực hiện như sau:

Tại Ban QLDA-NHNN:

- Bước 1: Nếu tài liệu thầu phải được WB xét duyệt trước, Ban QLDA sẽ gửi tài liệu, văn bản đấu thầu cần phê duyệt cho WB xin NOL.
- Bước 2: Ban QLDA báo cáo và trình Thống đốc kèm NOL của WB ký quyết định phê duyệt tài liệu, văn bản đấu thầu.

¹ Đoạn 14, Điểm C, Phụ lục 8, Tài liệu thẩm định dự án (PAD).

Tại Ban TKDA-BHTG:

- Bước 1: Ban TKDA (có thể thay mặt Tổ chuyên gia đấu thầu) trình tài liệu, văn bản cần phê duyệt lên người có thẩm quyền (Chủ tịch HĐQT, hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật) của BHTG để thông qua về mặt nguyên tắc, chủ trương đối với các nội dung trong văn bản.
- Bước 2: Nếu tài liệu thầu phải được WB xét duyệt trước, Ban TKDA sẽ gửi văn bản cần phê duyệt cho WB thông qua Ban QLDA để xin NOL.
- Bước 3: Ban TKDA báo cáo và trình lên Người có thẩm quyền của BHTG kèm NOL của WB để Người có thẩm quyền của BHTG ký quyết định phê duyệt tài liệu, văn bản đấu thầu.

Trong trường hợp văn bản, tài liệu đấu thầu không cần xét duyệt trước của WB thì quy trình này có thể được rút ngắn bước tương ứng.

Theo Luật Đấu thầu, thời gian tối đa cho việc phê duyệt được quy định như sau:¹

- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, báo cáo thẩm định (trong trường hợp có yêu cầu thẩm định): 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt.
- Kết quả lựa chọn nhà thầu, báo cáo thẩm định (trong trường hợp có yêu cầu thẩm định): phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt.

Các bảng sau đây mô tả việc thực hiện, phê duyệt liên quan đến gói thầu thuê tư vấn và mua sắm hàng hóa căn cứ theo quy định của Luật Việt Nam về đấu thầu và Hướng dẫn của WB.

Về tuyển chọn tư vấn

Các bước thực hiện	Cơ quan thực hiện, xem xét, phê duyệt		
	Ban QLDA /Ban TKDA	WB (**)	Chủ đầu tư
Kế hoạch đấu thầu (chi tiết)	Thực hiện	Xem xét	Phê duyệt
Xây dựng TOR	Thực hiện	Phê duyệt	Phê duyệt
Lập dự toán (nếu cần)	Thực hiện	Xem xét	Phê duyệt
Yêu cầu bày tỏ quan tâm, quảng cáo	Thực hiện	Xem xét	Phê duyệt
Lập danh sách ngắn	Thực hiện	Phê duyệt	Phê duyệt
Lập và phát hành HSMT tư vấn	Thực hiện	Phê duyệt	Phê duyệt
Nhận HSDT, Mở thầu	Thực hiện	Xem xét	Xem xét
Đánh giá kỹ thuật	Thực hiện*	Phê duyệt	Phê duyệt

- ¹ Điều 12, Luật Đấu thầu số 43

Mở và đánh giá đề xuất tài chính	Thực hiện*	Xem xét	Xem xét
Đánh giá tổng hợp	Thực hiện*	Phê duyệt	Phê duyệt
Đàm phán/hoàn thiện hợp đồng	Thực hiện	Phê duyệt	Phê duyệt
Ký kết hợp đồng	Thực hiện	Xem xét	Phê duyệt
Công bố kết quả trúng thầu	Thực hiện	Xem xét	Xem xét

(*) Do Tổ chuyên gia đấu thầu thực hiện.

(**) WB chỉ phê duyệt (NOL) đối với các gói thầu xét duyệt trước.

Về mua sắm hàng hóa

Các bước thực hiện	Cơ quan thực hiện, xem xét, phê duyệt		
	Ban QLDA /Ban TKDA	WB (*)	Chủ đầu tư
Lập kế hoạch đấu thầu (chi tiết)	Thực hiện		Phê duyệt
Lập dự toán (nếu cần)	Thực hiện	Xem xét	Phê duyệt
Xây dựng HSMT, HSYC	Thực hiện	Phê duyệt	Phê duyệt
Quảng cáo	Thực hiện	Phê duyệt	Phê duyệt
Phát hành HSMT, HSYC	Thực hiện	Xem xét	Xem xét
Nhận HSDT/Mở thầu	Thực hiện	Xem xét	Xem xét
Đánh giá HSDT/Chào hàng	Thực hiện*	Phê duyệt	Phê duyệt
Hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Thực hiện	Xem xét	Xem xét
Công bố kết quả	Thực hiện	Xem xét	Xem xét

(*) WB phát hành NOL đối với các gói thầu xét duyệt trước.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐẤU THẦU MUA SẮM ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

Dưới đây nêu rõ phương pháp đấu thầu được áp dụng để mua sắm hàng hoá trong khuôn khổ Dự án FSMIMS. KHĐT nêu rõ các gói thầu mà các phương pháp này được áp dụng.

- Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB): trừ phi có quy định khác được nêu trong 2 phương pháp dưới đây.

- Đấu thầu cạnh tranh trong nước (NCB): theo các quy trình, thủ tục bổ sung quy định tại Phụ đính 2 trong Hiệp định tài trợ.¹

- Chào hàng cạnh tranh.

1. Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB)

Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB) được áp dụng cho các hợp đồng mua

- ¹ Phần này nêu những vấn đề cần tuân theo khi các quy định về đấu thầu trong nước không phù hợp với các quy định trong HDMS của WB.

sắm hàng hóa trong dự án có giá trị dự kiến bằng hoặc lớn hơn 150.000 USD/hợp đồng.¹ ICB có thể được thực hiện theo phương thức đấu thầu hai giai đoạn hoặc đấu thầu một giai đoạn.

Quy trình ICB được quy định tại Phần II, HDMS và bao gồm các bước chính sau đây:

1.1. Chuẩn bị đấu thầu

Chủ đầu tư (Ban QLDA/Ban TKDA) phải đăng thông báo mời thầu trên (i) mạng UNDB; (ii) ít nhất một tờ báo phát hành toàn quốc; (iii) trang web về đấu thầu và Báo Đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (iv) các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu thấy cần thiết).

1.2. Lập dự toán

Chuẩn bị dự toán hợp lý và thực tế là quan trọng để xác định ngân sách dành cho một hợp đồng mua sắm hàng hóa. Tuy nhiên trên thực tế, lập dự toán có thể là khá khó khăn do biến động không ngừng của giá cả thị trường. Một cách có hiệu quả là thuê tư vấn có chuyên môn và kinh nghiệm để lập dự toán hoặc khảo sát sơ bộ thị trường (tham khảo báo giá các hàng hóa/hợp đồng tương tự trên thị trường). Dự toán cần phải được cập nhật để đảm bảo phản ánh hợp lý và thực tế các chi phí.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, dự toán của gói thầu được lập kể từ khi lập KHĐT.²

1.3. Lập HSMT

a. Quy định của WB

Căn cứ theo tính chất hàng hóa yêu cầu cho Dự án, hai mẫu HSMT chuẩn sau đây sẽ được dùng chủ yếu: (1) HSMT chuẩn đối với cung cấp và lắp đặt hệ thống CNTT (Standard Bidding Documents for Supply and Installation of Information System); (2) HSMT chuẩn đối với mua sắm hàng hóa (Standard Bidding Documents for Procurement of Goods). Các mẫu HSMT chuẩn này có thể tải từ trên website của WB (www.worldbank.org).

Khi chuẩn bị HSMT, các phần có tính chất tiêu chuẩn áp dụng chung cho mọi trường hợp như Điều kiện chung hợp đồng, các Mẫu biểu chuẩn phải giữ nguyên không được sửa đổi. Các yêu cầu cụ thể đối với gói thầu sẽ được đưa vào các phần như Thư mời thầu, Bảng dữ liệu, Chỉ dẫn cho nhà thầu, Điều kiện đặc biệt của Hợp đồng, Chỉ tiêu Kỹ thuật, Bản vẽ, v.v...

- ¹ Đoạn 3, Phần A, Phụ lục 8, PAD.

- ² Điều 33, Luật Đấu thầu số 43.

Đối với phương pháp ICB, HSMT phải phản ánh được các yêu cầu cơ bản cụ thể sau đây:¹

Tạo điều kiện cạnh tranh công bằng cho mọi nhà thầu hợp lệ;

Ngôn ngữ: HSMT và Đề xuất dự thầu sẽ được lập bằng tiếng Anh. Ban QLDA/Ban TKDA có thể chuẩn bị và phát hành thêm một phiên bản tiếng Việt của HSMT. Hợp đồng ký kết với người trúng thầu sẽ được soạn bằng Tiếng Anh, đó là ngôn ngữ chi phối các quan hệ hợp đồng giữa bên vay và tư vấn được tuyển chọn (đối với tuyển chọn tư vấn) hay người trúng thầu (đối với mua sắm hàng hóa);².

Thời gian cho nhà thầu chuẩn bị HSMT tối thiểu phải là 6 tuần tính từ ngày quảng cáo hoặc ngày bắt đầu phát hành HSMT tùy thuộc ngày nào muộn hơn. Đối với gói thầu lớn phức tạp, phải cho phép thời gian chuẩn bị hợp lý khoảng ba (03) tháng;

HSMT phải quy định rõ giá thầu sẽ cố định hay được điều chỉnh cho các biến động chi phí (nhân công, vật liệu, máy móc, nhiên liệu) trong thời gian thực hiện hợp đồng;

HSMT phải cho phép nhà thầu được chào giá thầu bằng bất cứ đồng tiền nào. Nếu nhà thầu muốn chào thầu bằng nhiều loại ngoại tệ khác nhau, nhà thầu được phép chào thầu tối đa bằng 3 ngoại tệ khác nhau. HSMT sẽ quy định một đồng tiền chung (thông thường là đồng nội tệ - VNĐ) để chuyển đổi sang giá đánh giá theo tỷ giá bán được xác định theo nguồn và ngày do bên mua quy định trong HSMT. Ngày áp dụng tỷ giá chuyển đổi là ngày mở HSMT.

HSMT phải bao gồm dự thảo hợp đồng quy định cụ thể các điều kiện cơ bản như thời gian hoàn thành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thanh toán, trường hợp bất khả kháng, phạt hợp đồng, bảo hành, giải quyết tranh chấp, v.v...;

Các tiêu chuẩn kỹ thuật trong HSMT phải được chuẩn bị trên cơ sở tạo điều kiện cạnh tranh rộng rãi nhưng đồng thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Trong phạm vi có thể, tiêu chuẩn kỹ thuật phải được soạn thảo theo các tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận rộng rãi trừ trường hợp không có các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp, tiêu chuẩn trong nước có thể áp dụng. HSMT phải quy định rõ thời gian, địa điểm cho việc nộp và mở thầu; các tiêu chí đánh giá năng lực nhà thầu.

b. Quy định của Việt Nam

Trong quá trình lập HSMT cần tham khảo, áp dụng các quy định của WB cũng như luật pháp hiện hành của Việt Nam.

- ¹ Mục 2.1 – 2.68, HDMS.

- ² Mục 2.15, HDMS.

Sau khi chuẩn bị xong HSMT, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ trình người có thẩm quyền (và WB nếu đó là gói thầu phải xét duyệt trước) để tiến hành quy trình phê duyệt.

1.4. Tổ chức đấu thầu

a. Phát hành HSMT

HSMT sẽ được bán cho các nhà thầu sau khi quảng cáo. WB khuyến khích không nên bán HSMT. Nếu bán thì giá bán HSMT không nên quá cao, ở mức giá vừa phải đủ trang trải cho các chi phí in ấn và phát hành (thông thường khoảng 100 - 200 USD). Không được hạn chế phát hành HSMT, HSMT phải có sẵn cho nhà thầu mua cho đến hết thời hạn nộp thầu. Sau khi phát hành HSMT, nhà thầu được phép gửi yêu cầu làm rõ HSMT. Ban QLDA/Ban TKDA có trách nhiệm trả lời các câu hỏi yêu cầu làm rõ, và phải gửi trả lời đến tất cả các nhà thầu bằng văn bản. Nếu cần thiết phải sửa đổi HSMT, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ phát hành phụ lục HSMT và gửi cho tất cả các nhà thầu đã mua/nhận HSMT.

b. Nộp và mở thầu

Sau khi hết thời hạn nộp thầu (thời điểm đóng thầu), Ban QLDA/Ban TKDA phải tiến hành mở thầu ngay. HSDT nộp muộn sẽ không được mở và không được xem xét. Mở thầu sẽ được tiến hành công khai với sự tham gia của Tổ chuyên gia đấu thầu, đại diện các nhà thầu (nếu họ muốn tham dự). Các thông tin sau đây phải được đọc to và ghi chép đầy đủ trong biên bản mở thầu:

- Tên nhà thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;
- Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu và giảm giá (nếu có);
- Giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu;
- Văn bản đề nghị sửa đổi hồ sơ dự thầu (nếu có);
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu cần được đại diện Ban QLDA/Ban TKDA, đại diện các nhà thầu, và đại diện các cơ quan liên quan tham dự ký xác nhận: tên nhà thầu, tổng giá chào thầu, giảm giá (nếu có) và HSDT cho phương án thay thế (nếu có). Ban QLDA/Ban TKDA sẽ lập biên bản mở thầu và gửi ngay cho WB và tất cả các nhà thầu đã nộp HSDT đúng hạn.

Lưu ý:



- Tất cả các HSDT nộp trước hạn chót đều phải được mở. Không được từ chối mở HSDT nộp đúng hạn vì bất cứ lý do gì.
- Trong quá trình mở thầu, không được đưa ra bất cứ bình luận hay quyết định có liên quan đến việc đấu thầu vì điều đó có thể gây tổn hại tính bảo mật của quá trình đấu thầu.

1.5. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Một số yêu cầu cơ bản:

- Bảo mật: mọi thông tin liên quan đến việc chấm thầu không được tiết lộ cho bất cứ nhà thầu nào hoặc người nào không liên quan cho đến khi công bố KQĐT. Trường hợp Ban QLDA/Ban TKDA muốn yêu cầu một nhà thầu làm rõ HSDT để xem xét thêm, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ gửi yêu cầu bằng văn bản và nhà thầu cũng phải trả lời bằng văn bản;
- Công bằng và minh bạch: chấm thầu phải hoàn toàn dựa trên các tiêu chí, yêu cầu quy định trong HSMT;
- Đạt/không đạt: theo quy định của WB, việc chấm thầu đối với hợp đồng hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở đạt/không đạt. Tuy nhiên đối với một số ít loại hợp đồng đặc biệt (ví dụ hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống CNTT), WB có thể cho phép sử dụng phương pháp chấm điểm để đánh giá các ưu điểm chất lượng (trong trường hợp đó, hệ thống phương pháp chấm điểm phải quy định rõ trong HSMT);
- Sai lệch cơ bản/không cơ bản: Ban QLDA/Ban TKDA cần xác định trên cơ sở đánh giá chuyên môn sai lệch nào là nhỏ (có thể chấp nhận được) hoặc là lớn (không chấp nhận được và HSDT sẽ bị loại).

1.6. Trình duyệt và thẩm định kết quả đấu thầu

a. Thẩm định:

Thẩm định đấu thầu là việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định về KHĐT, HSMT, và kết quả lựa chọn nhà thầu (KQLCNT) để làm cơ sở cho người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Đấu thầu.¹

b. Phê duyệt kết quả đấu thầu

Báo cáo kết quả đánh giá HSDT (hay báo cáo KQĐT) được gửi đến WB để xem xét và phát hành NOL. Đối với phía Việt Nam, thì sau khi có kết quả thẩm định báo cáo KQĐT, chủ đầu tư có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kết quả đấu thầu.

¹ Điều 57 Luật Đấu thầu số 43.

1.7. Công bố kết quả đấu thầu

a. Tên nhà thầu trúng thầu

Theo Luật Đấu thầu, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do nhà đầu tư không trúng thầu đối với nhà đầu tư không được lựa chọn.¹

b. Giá trúng thầu

Giá trúng thầu là giá được phê duyệt trong KQLCNT làm cơ sở để thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.²

c. Hình thức hợp đồng

Hình thức hợp đồng được quy định rõ trong HSMT, dựa trên các hình thức hợp đồng của từng gói thầu đã được ghi trong KHĐT. Những thay đổi trong hợp đồng được thỏa thuận, và cần có phê duyệt khi cần thiết.

1.8. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng

Hợp đồng ký với nhà thầu trúng thầu phải được soạn thảo dựa trên biên bản hoàn thiện hợp đồng, dự thảo hợp đồng kèm theo HSMT và các điều kiện của HSDT của nhà thầu trúng thầu.

Hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu có HSDT đáp ứng các yêu cầu trong HSMT, có giá đánh giá thấp nhất và có đủ năng lực thực hiện hợp đồng. Việc trao thầu phải được tiến hành khi HSDT còn hiệu lực. Việc gia hạn hiệu lực HSDT được quy định cụ thể tại Điều 12, Luật Đấu thầu.

1.9. Công bố trúng thầu

Trong vòng 2 tuần kể từ ngày NOL được WB phát hành cho báo cáo lượng thầu và đề nghị trao hợp đồng của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư phải đăng tải trên UNDB và Báo Đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư những thông tin sau đây:

- Danh sách các nhà thầu đã nộp HSDT;
- Giá chào thầu đọc tại lễ mở thầu;
- Tên và giá đánh giá của các nhà thầu đáp ứng các yêu cầu của HSMT;
- Tên của các nhà thầu có hồ sơ bị loại;
- Tên nhà thầu trúng thầu, giá chào thầu, thời gian thực hiện và tóm tắt phạm vi công việc của hợp đồng được trao.

Sau khi công bố trúng thầu, các nhà thầu có thể yêu cầu Ban QLDA/Ban

- ¹ Khoản 2, Điều 59, Luật Đấu thầu số 43.

- ² Khoản 20, Điều 4, Luật Đấu thầu số 43.

TKDA giải thích lý do tại sao HSDT của họ không được chọn. Ban QLDA/Ban TKDA sẽ giải thích lý do bằng văn bản hoặc tổ chức một cuộc họp, nhưng chỉ đề cập đến hồ sơ của nhà thầu yêu cầu chứ không thảo luận các hồ sơ khác.

2. Chào hàng cạnh tranh (shopping)

Chào hàng cạnh tranh là phương pháp mua sắm hàng hóa dựa trên cơ sở so sánh các chào giá từ một vài nhà thầu có uy tín và năng lực (ít nhất 3) để đảm bảo có được giá cạnh tranh. Phương pháp này áp dụng cho mua sắm hàng hóa khối lượng nhỏ có sẵn trên thị trường hoặc các hàng hóa có chỉ tiêu kỹ thuật tiêu chuẩn. Các hợp đồng mua xe ô tô và hợp đồng mua sắm thiết bị văn phòng phục vụ quản lý dự án có thể sử dụng phương pháp này. Các bước chính để thực hiện phương pháp này như sau:

2.1. Chuẩn bị hồ sơ yêu cầu chào hàng

Hồ sơ yêu cầu chào hàng bao gồm mô tả và khối lượng hàng hoá cần mua, thời gian và địa điểm giao hàng yêu cầu và các dịch vụ kèm theo nếu cần. Hồ sơ yêu cầu được làm bằng tiếng Việt.

2.2. Quảng cáo

Ban QLDA/Ban TKDA thông báo mời chào hàng trên (i) Báo Đấu thầu 3 kỳ liên tiếp; (ii) trên trang thông tin điện tử về đấu thầu; (iii) các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu thấy cần thiết).

2.3. Gửi Hồ sơ yêu cầu

Hồ sơ yêu cầu chào hàng sau khi đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ được gửi đến các nhà thầu quan tâm. Để tránh rủi ro khi có nhà thầu không trả lời, nên gửi hồ sơ cho nhiều hơn 3 nhà thầu để đảm bảo nhận được ít nhất 3 chào giá. Thời gian chuẩn bị HSDX tối thiểu là 5 ngày.

2.4. Nộp HSDX (báo giá)

Nhà thầu có thể trực tiếp nộp HSDX hoặc qua bưu điện, fax, thư điện tử, v.v... Hồ sơ HSDX không cần mở công khai, nhưng trong HSYC, Ban QLDA/Ban TKDA phải ghi rõ ngày yêu cầu nộp chào hàng.

2.5. Đánh giá các chào hàng

Chủ đầu tư thực hiện việc đánh giá HSDX theo đúng quy định:

- Kiểm tra nội dung về mặt kỹ thuật: Đề xuất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về mặt kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”;
- Ban QLDA/Ban TKDA so sánh giá chào của các HSDX đáp ứng về mặt kỹ thuật để xác định HSDX có giá chào thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu sẽ được đề nghị lựa chọn;

- Cập nhật năng lực nhà thầu;
- Đánh giá tiến độ thực hiện;
- Lập báo cáo kết quả mua sắm chào hàng cạnh tranh.

2.6. Phê duyệt kết quả đánh giá

Ban QLDA/Ban TKDA trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả đánh giá HSDX.

2.7. Trao hợp đồng

Ban QLDA/Ban TKDA thông báo kết quả chào hàng bằng văn bản cho tất cả các nhà thầu tham gia nộp chào hàng; tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn để chủ đầu tư ký kết hợp đồng.

Hợp đồng được trao cho nhà thầu có đơn chào hàng đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất. Hợp đồng thường sử dụng theo mẫu hợp đồng thương mại đơn giản.

IV. CÁC PHƯƠNG PHÁP TUYỂN CHỌN TƯ VẤN

Bảng dưới đây nêu rõ phương pháp đấu thầu có thể được áp dụng để tuyển chọn tư vấn trong khuôn khổ Dự án. KHĐT nêu rõ các gói thầu mà các phương pháp sau được áp dụng:

- Tuyển chọn dựa trên cơ sở chất lượng và chi phí (QCBS)
- Tuyển chọn dựa trên cơ sở chất lượng (QBS)
- Tuyển chọn dựa trên cơ sở chi phí thấp nhất (LCS)
- Tuyển chọn dựa trên cơ sở năng lực của Tư vấn (CQS)
- Tuyển chọn tư vấn cá nhân (IC)

1. Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chất lượng và chi phí (Quality-and Cost-Based Selection - QCBS)

Phương pháp QCBS được áp dụng phổ biến cho các dịch vụ tư vấn có giá dự toán từ 100.000 USD/một hợp đồng trở lên. Phương pháp này được mô tả trong Phần II, HDTV của WB. Các bước chính cần lưu ý để thực hiện phương pháp này như sau:

1.1. TOR

TOR phải nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ và phạm vi công việc tư vấn, yêu cầu đào tạo và chuyển giao công nghệ (nếu cần thiết), yêu cầu báo cáo và cung cấp các thông tin liên quan đến dịch vụ cũng như các thông tin tài liệu đầu vào do Chủ đầu tư cung cấp. Tuy nhiên, TOR không được quá chi tiết và thiếu linh động để nhà thầu có thể đề xuất phương pháp thực hiện riêng và nhân sự của

minh một cách phù hợp và tốt nhất.

1.2. Chuẩn bị dự toán

Dự toán cho dịch vụ tư vấn phải được chuẩn bị kỹ lưỡng đảm bảo đủ ngân sách cho việc thực hiện. Dự toán phải lập trên cơ sở tính toán các nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng bao gồm: thời gian làm việc của chuyên gia tư vấn, hỗ trợ hậu cần và các yếu tố đầu vào khác như phương tiện đi lại, văn phòng, thiết bị.¹

1.3. REOI và đăng quảng cáo

Ngay sau khi dự án được phê duyệt, Chủ đầu tư phải chuẩn bị một Thông báo đấu thầu chung trong đó liệt kê các dịch vụ tư vấn lớn có yêu cầu danh sách ngắn bao gồm các nhà thầu quốc tế và gửi WB để đăng Thông báo này trên trang mạng Kinh doanh Phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDB) và dgMarket. Đối với các gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, chủ đầu tư phê duyệt REOI trong đó có các nội dung yêu cầu về năng lực chuyên môn và số lượng chuyên gia; yêu cầu về kinh nghiệm. REOI được đăng tải 3 kỳ liên tiếp trên ít nhất một tờ báo phát hành rộng rãi toàn quốc, trên Báo Đấu thầu và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. Ban QLDA/Ban TKDA có thể quảng cáo thêm trên các báo/tạp chí quốc tế và/hoặc gửi REOI trực tiếp đến các tổ chức nghề nghiệp/các nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm liên quan đã biết. Ban QLDA/Ban TKDA phải đảm bảo ít nhất 14 ngày kể từ ngày quảng cáo cho các nhà thầu chuẩn bị hồ sơ bày tỏ quan tâm.²

1.4. Lập danh sách ngắn

Danh sách ngắn bao gồm 6 công ty có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện hợp đồng từ các vùng địa lý khác nhau trong đó có không quá 2 công ty từ một quốc gia và ít nhất 1 công ty từ một quốc gia đang phát triển (trừ khi không tìm được một công ty như vậy). Danh sách ngắn tốt nhất là bao gồm các công ty có cùng bản chất, mục tiêu kinh doanh và năng lực/kinh nghiệm tương tự (ví dụ một danh sách ngắn chỉ nên bao gồm toàn các công ty hoạt động vì lợi nhuận hoặc toàn các công ty/tổ chức phi lợi nhuận).

Sau khi Tổ chuyên gia đấu thầu chức xem xét, tuyển chọn danh sách ngắn các nhà thầu gửi thư bày tỏ quan tâm, Ban QLDA/Ban TKDA thực hiện quy trình phê duyệt đối với báo cáo kết quả lựa chọn danh sách ngắn.

1.5. Lập và phát hành hồ sơ mời thầu (RFP)

HSMT phải được lập theo mẫu HSMT chuẩn (SRFP) của WB với những

- ¹ Chương 11, STTV.

- ² Chương 13, STTV.

sửa đổi tối thiểu ở mức thực sự cần thiết cho điều kiện cụ thể của Dự án.

Các thông tin trong HSMT đối với QCBS tương tự như đối với ICB trừ một số khác biệt sau: các yêu cầu cụ thể đối với gói thầu sẽ được đưa vào các phần như thư mời thầu, dữ liệu chỉ dẫn cho tư vấn, điều kiện đặc biệt của hợp đồng, TOR, v.v...

- HSMT phải mô tả rõ quy trình chấm thầu (đánh giá kỹ thuật và tổng hợp), các tiêu chí đánh giá chất lượng, tỷ trọng giá/chất lượng, điểm chất lượng tối thiểu phải đạt và chi tiết quy trình mở đề xuất tài chính công khai; đàm phán hợp đồng và trao hợp đồng và các mẫu biểu đề xuất kỹ thuật và tài chính;

- Các tiêu chí đánh giá chất lượng (kỹ thuật) bao gồm:

- Kinh nghiệm riêng;
- Phương pháp luận;
- Nhân sự chủ chốt;
- Chuyên giao công nghệ;
- Sự tham gia của tư vấn trong nước.

Có thể quy định thêm các tiêu chí phụ trong mỗi tiêu chí trên, nhưng không được quy định quá nhiều tiêu chí phụ chi tiết vì có thể sẽ làm quá trình đánh giá chất lượng trở nên cứng nhắc và máy móc. Tỷ trọng giữa điểm chất lượng kỹ thuật và chi phí phải phù hợp;

- HSMT phải nêu rõ ước tính số tháng-công chuyên gia tư vấn cần thiết cho hợp đồng đó hoặc ước tính ngân sách dành cho hợp đồng đó nhưng không được nêu cả 2 thông tin này;

- HSMT phải quy định rõ thời gian, địa điểm cho việc nộp và mở thầu. Mở thầu đề xuất kỹ thuật phải tiến hành ngay lập tức sau khi hết hạn nộp đề xuất. Phong bì tài chính sẽ được lưu giữ nguyên niêm phong và gửi đến một công ty kiểm toán công có uy tín hoặc một cơ quan độc lập và chỉ được mở công khai sau khi kết thúc đánh giá kỹ thuật đối với những nhà thầu có đề xuất kỹ thuật đạt điểm tối thiểu.

Sau khi chuẩn bị xong HSMT tư vấn, Ban QLDA/Ban TKDA thực hiện quy trình phê duyệt.

HSMT sẽ được gửi cho các nhà thầu trong danh sách ngắn (không bán). Ban QLDA/Ban TKDA cần liên lạc với các nhà thầu trong danh sách ngắn để kiểm tra xem họ đã nhận được HSMT chưa và có ý định nộp đề xuất hay không. Trong trường hợp có nhà thầu nào từ chối tham gia, Ban QLDA/Ban TKDA cần tìm và bổ sung một nhà thầu khác có đủ năng lực vào danh sách ngắn để thay thế (với sự đồng ý trước của WB).

Nhà thầu được phép gửi yêu cầu làm rõ HSMT. Ban QLDA/Ban TKDA sẽ xem xét trả lời các câu hỏi làm rõ (sao gửi cho tất cả các nhà thầu) bằng văn bản. Một hội nghị tiền đấu thầu (khoảng 2 tuần sau khi phát hành) có thể được tổ chức để làm rõ cho tư vấn, được nêu trong Thư mời thầu và HSMT để tư vấn tham gia.

Nếu cần thiết phải sửa đổi HSMT, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ phát hành phụ lục HSMT và gửi cho tất cả các nhà thầu trong danh sách ngắn.

1.6. Nộp, nhận và mở đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu tư vấn phải chuẩn bị đề xuất kỹ thuật và tài chính trong 02 phong bì niêm phong riêng biệt và nộp cùng một lúc trước hạn chót quy định trong HSMT. Các đề xuất, kể cả các đề nghị sửa đổi đề xuất, nộp muộn hơn hạn chót sẽ được trả lại nguyên niêm phong cho nhà thầu sau khi nhà thầu ký xác nhận việc nộp muộn. Ngay sau khi hết hạn nộp hồ sơ, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ lập tức tiến hành mở tất cả các phong bì có chứa đề xuất kỹ thuật đồng thời cất giữ nguyên niêm phong các phong bì tài chính. Cần lưu ý rằng việc mở phong bì kỹ thuật được tổ chức chuyên gia đấu thầu thực hiện công khai.

1.7. Đánh giá kỹ thuật

Đánh giá kỹ thuật phải đảm bảo tối thiểu các yêu cầu sau: bảo mật, công bằng và minh bạch, đánh giá chuyên môn. Cụ thể như sau:

- Bảo mật: Mọi thông tin liên quan đến chấm thầu không được tiết lộ cho bất cứ nhà thầu nào hoặc người nào không liên quan cho đến khi công bố trúng thầu. Nói chung, Ban QLDA/Ban TKDA không yêu cầu nhà thầu làm rõ đề xuất của mình mà sẽ chấm điểm theo các thông tin có trong hồ sơ do việc làm rõ như vậy có thể gây ảnh hưởng công bằng đến kết quả chấm điểm. Trường hợp đặc biệt, Ban QLDA/Ban TKDA muốn yêu cầu một nhà thầu làm rõ kinh nghiệm nêu trong HSDT, Ban QLDA/Ban TKDA có thể yêu cầu nhà thầu chứng minh. Tránh hội họp hay trao đổi trực tiếp với nhà thầu trong quá trình chấm thầu;

- Công bằng và minh bạch;

- Đánh giá chuyên môn: việc đánh giá chất lượng dịch vụ tư vấn cần được tiến hành trên cơ sở đánh giá chuyên môn của các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan và không nên quá cứng nhắc thiên về định lượng.

Để tiến hành đánh giá kỹ thuật, các chuyên gia trong tổ chấm thầu sẽ xem xét đánh giá các HSDT trên cơ sở tính đáp ứng TOR theo các tiêu chí đánh giá quy định trong HSMT. Các chuyên gia phải chấm điểm trên cơ sở đánh giá chuyên môn độc lập của từng người.

Cách chấm điểm có thể tiến hành theo 2 bước. Đầu tiên người chấm thầu

đánh giá mức độ đáp ứng của một đề xuất kỹ thuật đối với một tiêu chí theo tỷ lệ phần trăm. Sau đó, nhân tỷ lệ phần trăm này với số điểm tối đa dành cho tiêu chí để xác định điểm cho hồ sơ đó.

Khi đánh giá kỹ thuật, cần xem xét các vấn đề sau trong từng tiêu chí (các hướng dẫn gợi ý dưới đây áp dụng cho trường hợp khi Ban QLDA/Ban TKDA yêu cầu nhà thầu nộp đề xuất đầy đủ không phải là hồ sơ đơn giản – xem mẫu HSMT tư vấn chuẩn của WB):

- Kinh nghiệm cụ thể: tiêu chí này được quy định không quá 10 điểm và thông thường không sử dụng tiêu chí phụ. Các mức đáp ứng cho tiêu chí này được khuyến nghị nên là: đạt (50-70%); tốt (70-90%); và rất tốt (trên 90%). Vì các nhà thầu được vào danh sách ngắn là được coi đã có đủ năng lực thực hiện, do vậy điểm số cho tiêu chí này thông thường không nên thấp hơn mức đạt yêu cầu (50% của số điểm tối đa). Các khía cạnh kỹ thuật cần xem xét bao gồm:

- + Kinh nghiệm công ty tư vấn trong các hợp đồng tương tự;
 - + Kinh nghiệm công ty tư vấn ở các nước hay khu vực có điều kiện, địa lý, văn hóa, xã hội, thể chế tương tự;
 - + Quy mô, tổ chức và kỹ năng quản lý của công ty;
 - + Chuyên môn kỹ năng đặc biệt liên quan đến dịch vụ yêu cầu (nếu cần thiết);
 - + Kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng năng lực, chuyển giao kiến thức (nếu cần thiết);
 - + Hệ thống quản lý chất lượng.
- Phương pháp luận và kế hoạch thực hiện:

Tiêu chí này có số điểm tối đa là từ 20-50 điểm. Nếu sử dụng tiêu chí phụ, có thể áp dụng 3 tiêu chí phụ sau: (i) phương pháp luận và cách tiếp cận kỹ thuật; (ii) kế hoạch làm việc; (iii) bố trí nhân sự và tổ chức thực hiện. Các mức đáp ứng cho tiêu chí này được khuyến nghị nên là: kém (dưới 50%); đạt (50-70%); tốt (70-90%); và rất tốt (trên 90%) (không nên cho điểm liệt 0 vì điều đó không hợp lý, vì có nghĩa rằng nhà thầu hoàn toàn không đáp ứng một khía cạnh nào của TOR, và vì có thể dẫn đến trường hợp loại bỏ một hồ sơ đáp ứng rất tốt các tiêu chí khác). Các khía cạnh kỹ thuật cần xem xét bao gồm:

- + Hiểu biết về mục tiêu của công việc tư vấn yêu cầu;
- + Tính đầy đủ và đáp ứng so với yêu cầu của TOR;
- + Tính rõ ràng;
- + Tính sáng tạo và cải tiến;
- + Các sản phẩm đầu ra có được cam kết cung cấp đúng thời gian yêu

cầu;

- + Chất lượng của kế hoạch nhân sự;
- + Khả năng linh động và thích ứng cho những thay đổi cần thiết (nếu có);
- + Mức độ công nghệ;
- + Hỗ trợ hậu cần;
- + Quản lý chất lượng.

- Nhân sự chủ chốt:

Tiêu chí này có số điểm được cho trong khoảng 30 - 60 điểm. Tiêu chí này chỉ xét đến năng lực của các nhân sự chủ chốt và tỷ trọng điểm tối đa cho mỗi vị trí nhân sự chủ chốt phải được quy định rõ (thông thường vị trí trưởng nhóm là quan trọng nhất và phải có tỷ trọng lớn nhất). Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt sẽ được đánh giá theo 3 tiêu chí phụ sau:

- + Năng lực chung;
- + Khả năng thích hợp cho công việc;
- + Kinh nghiệm trong khu vực và ngôn ngữ.

Các mức đáp ứng cho tiêu chí này được khuyến nghị nên là: kém (dưới 50%); đạt (50-70%); tốt (70-90%); và rất tốt (trên 90%) (không nên cho điểm 0 vì điều đó không hợp lý và thực tế). Các khía cạnh kỹ thuật cần xem xét trong từng tiêu chí phụ nêu trên bao gồm:

- + Năng lực chung: trình độ học vấn, số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, các vị trí đã đảm nhiệm, thời gian làm việc trong công ty, kinh nghiệm ở nước đang phát triển, v.v...;
- + Khả năng thích hợp cho công việc (tiêu chí quan trọng nhất): học vấn, đào tạo, kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm liên quan đến đến công việc tư vấn yêu cầu;
- + Kinh nghiệm trong khu vực và ngôn ngữ: am hiểu địa phương đối với tư vấn nước ngoài và ngoại ngữ đối với tư vấn trong nước, văn hóa địa phương, hệ thống hành chính, và các cơ quan chính phủ, v.v...

- Chuyên giao kiến thức (nâng cao năng lực):

Nếu công việc có yêu cầu nhà tư vấn chuyên giao kiến thức hay xây dựng năng lực cho cán bộ của Chủ đầu tư, có thể đưa ra tiêu chí này với số điểm tối đa 10 điểm. Tiêu chí này thường không có tiêu chí phụ (trừ trường hợp khi yêu cầu chuyên giao kiến thức/đào tạo là một nhiệm vụ chính/cơ bản trong hợp đồng) và các mức đáp ứng cho tiêu chí này được khuyến nghị nên là: kém (dưới 50%); đạt

(50-70%); tốt (70-90%); và rất tốt (trên 90%). Các khía cạnh kỹ thuật cần xem xét bao gồm:

- + Phương pháp luận và các kết quả dự kiến của chương trình chuyển giao kiến thức/đào tạo;
 - + Tổ chức chương trình;
 - + Kinh nghiệm của tư vấn về xây dựng năng lực, chuyển giao kiến thức, đào tạo;
 - + Giám sát và đánh giá việc thực hiện chương trình.
- Sự tham gia của tư vấn trong nước:

Tối đa 10 điểm cho tiêu chí này. Do năng lực của chuyên gia tư vấn đã được đánh giá trong các tiêu chí, việc đánh giá tiêu chí này sẽ chỉ xét đến mặt định lượng (thời gian làm việc của tư vấn chủ chốt người bản địa). Số điểm sẽ được tính bằng cách nhân phần trăm với thời gian phục vụ của các tư vấn chủ chốt người bản địa trên tổng số thời gian của tất cả các chuyên gia chủ chốt đề xuất trong HSDT của nhà tư vấn với số điểm tối đa dành cho tiêu chí này. Tư vấn người bản địa không phải là nhân sự chủ chốt không được tính đến.

Ban QLDA/Ban TKDA phải lập báo cáo chấm thầu theo mẫu Báo cáo chấm thầu Tư vấn của WB, đệ trình WB và cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

1.8. Mở đề xuất tài chính

Sau khi kết thúc việc chấm thầu kỹ thuật và đã có NOL của WB (nếu là gói thầu xét duyệt trước), Ban QLDA/Ban TKDA phải thông báo điểm kỹ thuật cho tất cả các nhà thầu đã nộp hồ sơ. Đối với các nhà thầu không đạt điểm kỹ thuật tối thiểu hoặc không đáp ứng TOR, thông báo hồ sơ đề xuất tài chính của họ sẽ không được mở và sẽ được trả lại nguyên niêm phong sau khi hợp đồng được ký. Đồng thời, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ thông báo cho các nhà thầu đạt điểm kỹ thuật tối thiểu về thời gian, địa điểm nơi sẽ tiến hành mở công khai phong bì tài chính của họ. Ngày mở phong bì tài chính phải được tính toán sao cho nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị tham dự. Phong bì tài chính sẽ được mở công khai với sự có mặt của đại diện các nhà thầu (nếu họ muốn tham dự).

Tại lễ mở thầu tài chính, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ đọc to tên, điểm kỹ thuật và giá chào thầu của từng nhà thầu và ghi chép đầy đủ các thông tin này trong biên bản. Ban QLDA/Ban TKDA phải ký xác nhận vào từng trang bản gốc của đề xuất tài chính và quản lý theo chế độ hồ sơ “mật”.

Biên bản mở thầu tài chính sẽ được gửi ngay cho WB và tất cả các nhà thầu đã nộp HSDT.

1.9. Đánh giá tài chính và tổng hợp

Sau khi mở phong bì đề xuất tài chính, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ tiến hành xem xét các đề xuất tài chính nhằm xác định “giá đánh giá”. Việc đánh giá về mặt tài chính được tiến hành trên bản sao. Cụ thể như sau:

- Chỉnh sửa các lỗi số học;
- Loại bỏ các khoản thuế gián thu và thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài (nếu các khoản thuế này có thể xác định được trong đề xuất chào thầu);
- Đối với hợp đồng theo thời gian (time-based contract), kiểm tra chỉnh sửa khối lượng của các hạng mục chi phí chào trong đề xuất tài chính cho phù hợp với khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật, và áp dụng các đơn giá trong đề xuất kỹ thuật để tính toán chi phí chênh lệch để cộng vào tổng giá. Tuy nhiên, việc chỉnh sửa này không áp dụng nếu hợp đồng là trọn gói (lump-sum contract);
- Chuyển đổi giá chào thầu về một đồng tiền chung theo phương pháp quy định trong HSMT.

Đề xuất tài chính có “giá đánh giá thấp nhất” sẽ được chấm 100 điểm tài chính và các hồ sơ khác sẽ được cho điểm trên cơ sở tỷ lệ nghịch với giá đánh giá của từng hồ sơ đó. Sau đó Ban QLDA/Ban TKDA sẽ tiến hành tính điểm tổng hợp cho từng hồ sơ theo công thức $S = St \times T\% + Sf \times P\%$ và tỷ trọng điểm kỹ thuật/tài chính quy định trong HSMT. Ban QLDA/Ban TKDA sẽ lập báo cáo đánh giá tổng hợp theo mẫu của WB và gửi cho WB. Nhà thầu có HSDT với số điểm tổng hợp cao nhất sẽ được mời đàm phán hợp đồng.

Sau khi được phê duyệt, Ban QLDA/Ban TKDA mời nhà thầu tư vấn đạt điểm tổng hợp cao nhất vào đàm phán.

1.10. Đàm phán hợp đồng

Trước khi đàm phán hợp đồng, Ban QLDA/Ban TKDA phải yêu cầu nhà thầu được mời khẳng định khả năng huy động nhân sự chủ chốt đề xuất trong hồ sơ đề xuất. Nếu nhà thầu không khẳng định được điều này, nhà thầu có thể bị loại và nhà thầu tiếp theo sẽ được mời đàm phán hợp đồng. Đại diện nhà thầu tham gia đàm phán cần đệ trình giấy ủy quyền. Việc đàm phán gồm 2 phần: đàm phán kỹ thuật và đàm phán tài chính.

Đàm phán kỹ thuật: Ban QLDA/Ban TKDA và tư vấn sẽ thảo luận về đề xuất kỹ thuật của nhà thầu, phương pháp luận và cách tiếp cận của đề xuất, tổ chức thực hiện và bố trí nhân sự và các bình luận gợi ý của nhà thầu. Ban QLDA/Ban TKDA và tư vấn sẽ hoàn thiện TOR, lịch biểu công việc, kế hoạch nhân sự, hỗ trợ hậu cần, công tác báo cáo và các số liệu, tài liệu, dịch vụ đầu vào

do Ban QLDA/Ban TKDA cung cấp cho tư vấn. Các bên cũng hoàn thiện các điều khoản trong hợp đồng trên cơ sở theo các điều khoản của hợp đồng dự thảo trong HSMT. Đàm phán kỹ thuật không được làm thay đổi một cách cơ bản TOR ban đầu, hoặc các điều kiện hợp đồng hoặc chất lượng sản phẩm, hoặc làm sai lệch các kết quả đánh giá ban đầu.

Đàm phán tài chính: Ban QLDA/Ban TKDA và tư vấn sẽ thảo luận về trách nhiệm thuê của tư vấn cũng như các thức xử lý thuê trong hợp đồng. Nếu có sửa đổi phạm vi công việc khi đàm phán kỹ thuật, các bên có thể tính toán điều chỉnh chi phí trong hợp đồng. Đối với hợp đồng trọn gói (lump-sum contract), tổng giá chào thầu của nhà thầu sẽ không được đàm phán (trừ những chỉnh sửa lỗi số học và những điều chỉnh phạm vi công việc nếu có). Đối với hợp đồng theo thời gian (time-based contract), đơn giá tiền lương của tư vấn sẽ không được đàm phán. Trường hợp đặc biệt, nếu đơn giá tiền lương tư vấn quá cao so với giá trong các hợp đồng tương tự và với sự đồng ý trước của WB, Ban QLDA/Ban TKDA có thể yêu cầu nhà thầu giải trình và thay đổi đơn giá đó.

Sau khi hoàn thiện dự thảo hợp đồng, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ gửi WB và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đàm phán theo quy định.

1.11. Công bố trúng thầu

Sau khi trao hợp đồng và trong thời gian sớm nhất có thể, Ban QLDA/Ban TKDA phải đăng tải trên UNDB/dgMarket những thông tin sau đây: (i) tên của các nhà thầu đã nộp HSDT; (ii) điểm kỹ thuật của các nhà thầu; (iii) tên và giá đánh giá của các nhà thầu đạt điểm kỹ thuật tối thiểu; (iv) xếp hạng theo điểm tổng hợp của các nhà thầu; (v) tên nhà thầu trúng thầu, giá chào thầu, thời gian thực hiện và tóm tắt phạm vi công việc của hợp đồng được trao. Kết quả lựa chọn nhà thầu cũng cần được đăng tải trên Báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu.¹

Đồng thời Ban QLDA/Ban TKDA sẽ gửi các thông tin này cho tất cả các nhà thầu đã nộp HSDT.

2. Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chất lượng (Selection Based on Quality – QBS)

Phương pháp này áp dụng đối với những dịch vụ phức tạp có tính chuyên môn cao hoặc có phạm vi ảnh hưởng lớn hoặc có thể được thực hiện theo nhiều cách rất khác nhau hoặc trường hợp danh sách ngắn bao gồm các công ty, tổ chức có tính chất kinh doanh, năng lực khác nhau (ví dụ công ty kinh doanh và các tổ chức phi lợi nhuận). Quy trình thực hiện phương pháp này mô tả trong các

¹ Điều 8, Luật Đấu thầu số 43.

đoạn 3.3-3.4, HDTV. Các bước của phương pháp này về cơ bản tương tự QCBS với một số khác biệt sau:

- Ban QLDA/Ban TKDA có thể mời nhà thầu hoặc chỉ nộp đề xuất kỹ thuật hoặc nộp cả đề xuất kỹ thuật và tài chính cùng một lúc;
- Nếu chỉ nộp đề xuất kỹ thuật, sau khi đánh giá kỹ thuật, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ mời nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất nộp đề xuất tài chính, sau đó đàm phán đề xuất tài chính này và hợp đồng với nhà thầu đó;
- Nếu nhà thầu được mời nộp cả đề xuất kỹ thuật và tài chính, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ tiến hành mở ngay phong bì kỹ thuật và lưu giữ cẩn mật các phong bì tài chính với nguyên niêm phong. Sau khi đánh giá kỹ thuật, và xác định được nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất, Ban QLDA/Ban TKDA sẽ tiến hành mở phong bì tài chính của riêng nhà thầu đó và tiến hành đàm phán hợp đồng. Tất cả các phong bì tài chính khác vẫn giữ nguyên niêm phong và sẽ được trả lại cho nhà thầu sau khi việc đàm phán thành công;
- Trong phương pháp này, đàm phán tài chính có thể bao gồm đàm phán tiền lương và chi phí bồi hoàn;
- Thông tin trúng thầu phải công bố như quy định với QCBS chỉ khác là chỉ có giá của nhà thầu trúng thầu được nêu.

3. Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chi phí thấp nhất (Least Cost Selection – LCS)

Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chi phí thấp nhất có thể áp dụng cho các dịch vụ tư vấn có tính chất tiêu chuẩn, thông thường như kiểm toán, thiết kế kỹ thuật các công trình đơn giản. Quy trình thực hiện phương pháp này mô tả ở Đoạn 3.6 của HDTV. Các bước của phương pháp này về cơ bản tương tự phương pháp QCBS với một số khác biệt sau:

- Tất cả các HSDT không đạt điểm kỹ thuật tối thiểu quy định trong HSMT sẽ bị loại và các đề xuất tài chính của các nhà thầu còn lại sẽ được mở công khai.
- Nhà thầu có đề xuất tài chính với giá đánh giá thấp nhất sẽ được mời đàm phán hợp đồng.

4. Tuyển chọn tư vấn cá nhân (Individual Consultant – IC)

Đối với các dịch vụ tư vấn không đòi hỏi một nhóm chuyên gia, không cần thêm sự hỗ trợ chuyên môn bên ngoài (công ty, văn phòng) và trong trường hợp yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực cá nhân là quan trọng nhất, Ban QLDA có thể thuê các tư vấn cá nhân (nước ngoài hoặc Việt Nam). Các chuyên gia tư vấn này sẽ được tuyển chọn chủ yếu dựa trên so sánh kinh nghiệm và năng lực

của ít nhất 3 ứng cử viên có năng lực để chọn ra một người có kinh nghiệm và năng lực tốt nhất và có đủ năng lực thực hiện hợp đồng.

Ban QLDA/Ban TKDA có thể tuyển chọn tư vấn cá nhân trên cơ sở một nguồn duy nhất nhưng chỉ trong các trường hợp mô tả trong Đoạn 5.4 của HDTV.

Quy trình tuyển chọn tư vấn cá nhân của Ban QLDA/Ban TKDA có thể mô tả như sau:

4.1. Xây dựng và phê duyệt TOR

4.2. Lựa chọn và phê duyệt lựa chọn tư vấn cá nhân

Bước 1:

- Mời bày tỏ quan tâm: có thể liên lạc trực tiếp với các ứng viên nếu biết hoặc thông qua giới thiệu hoặc qua quảng cáo (tuy nhiên việc quảng cáo là không bắt buộc). Các ứng viên quan tâm phải gửi sơ yếu lý lịch, liệt kê kinh nghiệm, bản sao chứng chỉ bằng cấp và các giấy giới thiệu, tham khảo từ các nhà tuyển dụng trước;

- Lập danh sách ngắn các ứng viên có năng lực và kinh nghiệm phù hợp cho vị trí cần tuyển;

- Tổ chức tuyển chọn tư vấn cá nhân theo bản sơ yếu lý lịch của các tư vấn bày tỏ nguyện vọng tham gia.

Bước 2:

- Lựa chọn một ứng viên có năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp nhất và tiến hành đàm phán hợp đồng. Có thể tiến hành phỏng vấn trực tiếp để đánh giá tốt hơn;

- Tổng hợp kết quả lựa chọn trình Thống đốc có ý kiến trước khi gửi đi WB.

Bước 3:

- Phê duyệt KQLC Tư vấn cá nhân.

Bước 4:

- Đàm phán và dự thảo hợp đồng trình phê duyệt và ký hợp đồng với tư vấn;

- Có thể sử dụng mẫu hợp đồng cho các dịch vụ nhỏ (thông thường đối với tư vấn cá nhân, hợp đồng theo thời gian là thích hợp) trong mẫu chuẩn HSMT tư vấn của WB.

Dưới đây là sơ đồ thể hiện các bước triển khai trong các gói thầu tuyển chọn tư vấn, và các phê duyệt (NOL) của WB.

5. Tuyển chọn trên cơ sở năng lực của tư vấn (Selection Based on the Consultants' Qualifications - CQS)

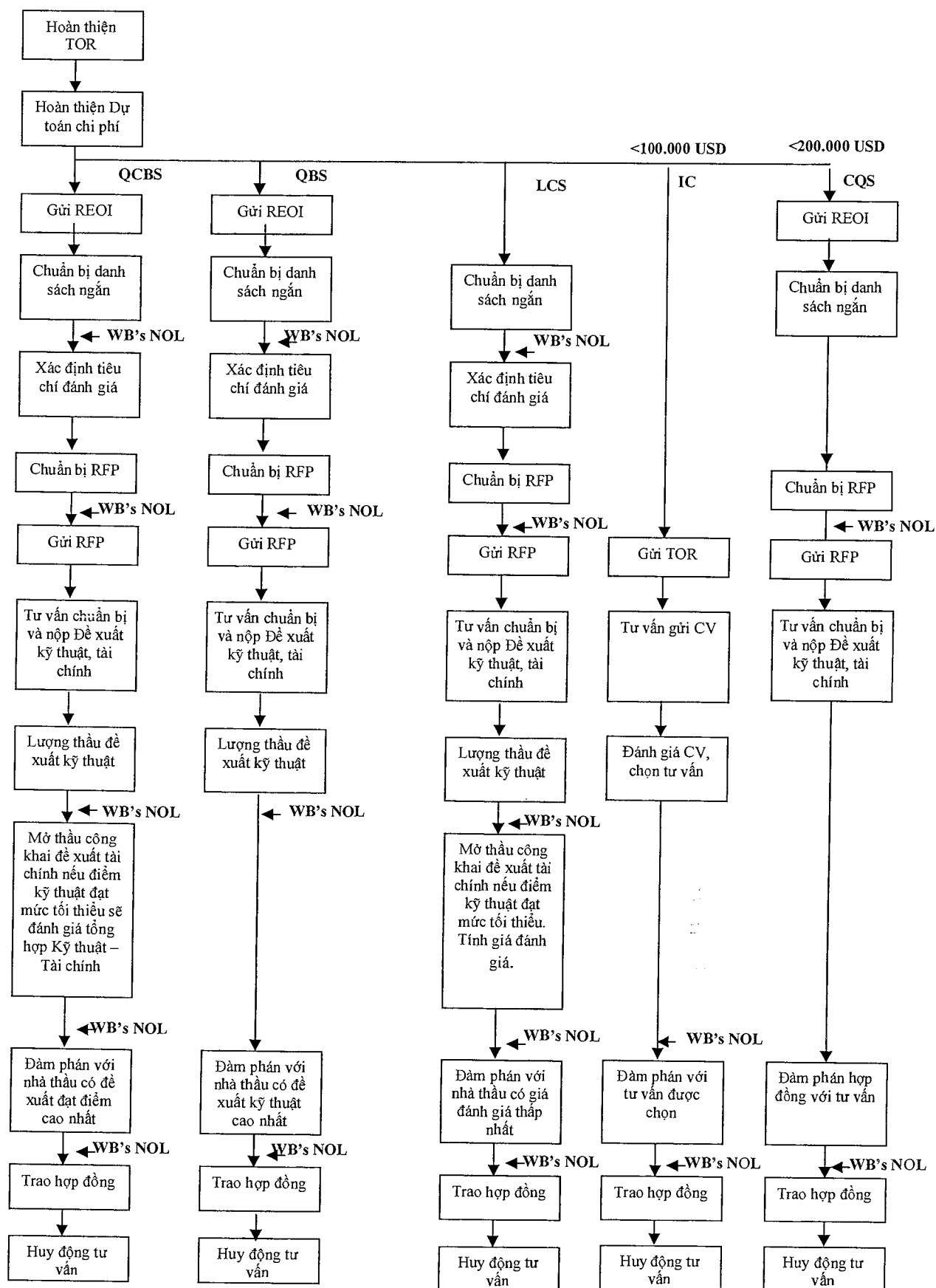
Phương pháp này có thể dùng cho các nhiệm vụ mà yêu cầu chuẩn bị và đánh giá các đề xuất cạnh tranh là không cần thiết. Phần nhiều là các trường hợp mà bình diện kỹ thuật của nhiệm vụ hoàn toàn rõ ràng, và biết rõ số lượng thích hợp các hãng hay công ty có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ tư vấn.

Ban QLDA sẽ lập ĐKTC (TOR), yêu cầu “Bày tỏ quan tâm” và thông tin về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu liên quan đến công việc, lập danh sách ngắn và lựa chọn nhà thầu với năng lực, phẩm chất thích hợp nhất. Nhà thầu được lựa chọn sẽ được yêu cầu đệ trình một đề án kỹ thuật và tài chính kết hợp và sau đó sẽ được mời đến đàm phán hợp đồng.

Thủ tục chung của phương thức này như sau:

Ban QLDA sẽ (i) chuẩn bị Điều khoản tham chiếu; (ii) mời các nhà thầu tư vấn nộp Bày tỏ nguyện vọng (EOI) và thông tin về kinh nghiệm và năng lực thực hiện công việc tư vấn có tính chất tương tự (*thông thường sẽ đăng quảng cáo để tăng tính cạnh tranh và thu hút nhà thầu*). Ban QLDA nên dành khoảng 2-4 tuần cho nhà thầu chuẩn bị Hồ sơ bày tỏ nguyện vọng, tùy theo tính chất và quy mô của hợp đồng; (iii) lập “danh sách ngắn” nhà thầu có năng lực thực hiện hợp đồng; (iv) từ danh sách ngắn, chọn ra một nhà thầu tư vấn có năng lực và kinh nghiệm phù hợp nhất. Nhà thầu tư vấn này phải lập một đề xuất kỹ thuật và tài chính kết hợp (lập chung trong 1 hồ sơ) và gửi cho Ban QLDA. Ban QLDA căn cứ vào đề xuất của nhà thầu, TOR để thương thảo hợp đồng với nhà thầu. Nếu quá trình thương thảo này không thành công thì Ban QLDA có quyền mời nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm xếp thứ hai lập đề xuất kỹ thuật và tài chính và thương thảo hợp đồng. (**Chú ý quan trọng:** trong phương thức này, chỉ nhà thầu tư vấn nào có đủ năng lực và kinh nghiệm sẽ được mời nộp đề xuất. Đơn giá do nhà thầu tư vấn nêu trong đề xuất có thể được thương thảo).

Các bước chính trong thuê tuyển tư vấn và phê duyệt của WB



CHƯƠNG V. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA DỰ ÁN

I. CÔNG TÁC GIÁM SÁT DỰ ÁN

Giám sát chương trình, dự án bao gồm các hoạt động theo dõi và kiểm tra quá trình triển khai thực hiện chương trình, dự án nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu và hiệu quả của chương trình, dự án, trong đó:

1. Theo dõi chương trình, dự án bao gồm các hoạt động thường xuyên và định kỳ của các cấp quản lý để cập nhật toàn bộ các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện chương trình, dự án; phân loại và phân tích thông tin; kịp thời đề xuất các phương án xử lý nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng trong khuôn khổ các nguồn lực của chương trình, dự án.

2. Kiểm tra chương trình, dự án bao gồm: các hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất nhằm kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý, phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và giám sát việc thực thi các biện pháp khắc phục.

Trách nhiệm và nội dung theo dõi: NHNN và BHTG chịu trách nhiệm về công tác theo dõi Dự án. Bên cạnh đó, công tác theo dõi còn được WB hỗ trợ thông qua hoạt động hỗ trợ từ xa và tại chỗ, đặc biệt là thông qua việc hướng dẫn và tư vấn kịp thời cho Ban QLDA/Ban TKDA; xét duyệt các hoạt động đầu thầu, đào tạo, các báo cáo tài chính của Dự án.

II. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

Đánh giá chương trình, dự án bao gồm các hoạt động định kỳ, xem xét toàn diện, có hệ thống và khách quan về tính phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và mức độ bền vững của chương trình, dự án để có những điều chỉnh cần thiết và rút ra những bài học kinh nghiệm áp dụng cho giai đoạn thực hiện tiếp theo và các chương trình, dự án khác.

Công tác đánh giá Dự án được tiến hành bởi đoàn công tác của WB, NHNN và sự hỗ trợ của các công ty tư vấn triển khai Dự án, Nhóm chuyên gia quốc tế đánh giá thiết kế hệ thống, bên thứ ba thẩm định việc triển khai hệ thống và các đoàn công tác của WB.

1. Đánh giá định kỳ 6 tháng:

NHNN và Đoàn hỗ trợ triển khai Dự án của WB sẽ cùng kiểm tra, đánh giá các hoạt động của Dự án 6 tháng một lần, thông qua các đoàn kiểm tra, đánh

giá hỗn hợp. Ban QLDA chịu trách nhiệm lập báo cáo tiến độ thực hiện Dự án trong 6 tháng và cả năm, chủ trì và phối hợp với Ban TKDA tổ chức tốt cho các đoàn kiểm tra, đánh giá hỗn hợp của NHNN và WB. Trên cơ sở của việc kiểm tra, đánh giá và ý kiến của các bên liên quan của NHNN và WB, NHNN và WB sẽ xác định những vấn đề tồn tại trong việc triển khai thực hiện Dự án và thống nhất đề ra các biện pháp cần thiết nhằm khắc phục những vấn đề đó.

2. Đánh giá giữa kỳ: đã thực hiện vào tháng 5/2013. Ngày 09/8/2013, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 1740/QĐ-NHNN phê duyệt “Báo cáo Đánh giá giữa kỳ” trong khuôn khổ Hợp đồng ST1 của Dự án. Báo cáo Đánh giá giữa kỳ của Dự án đã được gửi WB, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

3. Đánh giá kết thúc

Đánh giá kết thúc Dự án phải hoàn thành chậm nhất trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc các hoạt động của Dự án được quy định tại văn kiện Dự án.

Đánh giá kết thúc tập trung vào xem xét và đánh giá toàn diện các khâu trong chu trình Dự án, bao gồm:

- Công tác chuẩn bị và chuẩn bị thực hiện Dự án;
- Kết quả thực hiện Dự án, bao gồm: tổ chức quản lý thực hiện Dự án; bố trí vốn và huy động các nguồn lực để thực hiện Dự án; các hoạt động, kết quả đầu ra và kết quả cuối cùng của Dự án; các lợi ích trực tiếp và gián tiếp do Dự án mang lại cho các đối tượng thụ hưởng.
- Tác động của Dự án sau khi hoàn thành;
- Các bài học rút ra trong công tác chuẩn bị, chuẩn bị thực hiện, thực hiện Dự án;
- Các khuyến nghị cần thiết đảm bảo hiệu quả của Dự án.

Báo cáo đánh giá kết thúc phải được gửi đến cơ quan chủ quản (đối với báo cáo của BHTG) và WB trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập.

Đánh giá kết thúc được sử dụng làm cơ sở để lập báo cáo kết thúc Dự án.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DỰ ÁN

Trong quá trình thực hiện Dự án, Ban QLDA có trách nhiệm xây dựng, tổng hợp và gửi báo cáo (báo cáo tháng, quý, năm, báo cáo kết thúc và báo cáo thay đổi nếu có) tới Ban Lãnh đạo NHNN cũng như các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành của Việt Nam. Ngoài ra, Ban QLDA sẽ phải cung cấp các báo cáo này như đã được thỏa thuận với WB (thời gian, tần suất cung cấp được).

thống nhất tại Hiệp định tài trợ). Ban QLDA có thể yêu cầu các bên liên quan thực hiện báo cáo đột xuất (khi cần thiết).

1. Các báo cáo theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1.1. Báo cáo tháng

- Chậm nhất 5 ngày sau khi kết thúc tháng, Ban TKDA có trách nhiệm gửi Ban QLDA báo cáo tháng để tổng hợp chung¹.

- Chậm nhất 8 ngày sau khi kết thúc tháng, Ban QLDA gửi báo cáo tổng hợp toàn Dự án theo Mẫu VI-GSĐG 1 trong Phụ lục V của Thông Tư 01/2014/TT-BKHĐT bằng văn bản và thư điện tử cho Vụ Hợp tác quốc tế – NHNN để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

1.2. Báo cáo quý

- Chậm nhất 08 ngày sau khi kết thúc Quý, Ban TKDA có trách nhiệm gửi báo cáo quý cho Ban QLDA để tổng hợp chung.

- Chậm nhất 12 ngày sau khi kết thúc quý, Ban QLDA gửi báo cáo tổng hợp toàn Dự án theo Mẫu VI-GSĐG 2 trong phụ lục V của Thông tư 01/2014/TT-BKHĐT bằng văn bản và thư điện tử cho Vụ Hợp tác quốc tế – NHNN để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

1.3. Báo cáo năm

- Chậm nhất ngày 15 tháng 01 của năm sau, Ban TKDA có trách nhiệm gửi báo cáo năm cho Ban QLDA để tổng hợp chung.

- Chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm sau, Ban QLDA gửi báo cáo năm về tình hình thực hiện toàn Dự án theo mẫu VI-GSĐG 3 trong phụ lục V của Thông tư 01/2014/TT-BKHĐT bằng văn bản và thư điện tử cho Vụ Hợp tác quốc tế - NHNN để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và WB.

1.4. Báo cáo kết thúc

Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc các hoạt động của Dự án, Ban TKDA có trách nhiệm gửi báo cáo kết thúc cho Ban QLDA để tổng hợp chung.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc các hoạt động của Dự án, Ban QLDA phải trình Ban Lãnh đạo NHNN phê duyệt báo cáo theo mẫu VI-GSĐG 4 trong phụ lục VI của Thông tư 01/2014/TT-BKHĐT để NHNN gửi báo cáo bằng văn bản và thư điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và WB.

- ¹ Các báo cáo tháng, quý, năm, báo cáo kết thúc Dự án đối với Hợp phần Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam phải được cấp có thẩm quyền xem xét, duyệt ký trước khi gửi tới PMU tổng hợp.

1.5. Các báo cáo thay đổi (nếu có): trong quá trình thực hiện Dự án, nếu Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết có sửa đổi, bổ sung, gia hạn, Ban QLDA phải thông báo cho Vụ Hợp tác Quốc tế - NHNN để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

2. Các Báo cáo Dự án theo qui định tại Hiệp định tài trợ (theo quy định của WB)

2.1. Báo cáo tiến độ

Chậm nhất ngày 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, Ban TKDA có trách nhiệm gửi báo cáo 6 tháng (bằng thư điện tử và văn bản) cho Ban QLDA để tổng hợp chung gửi WB. Báo cáo phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Ban QLDA lập báo cáo tiến độ toàn Dự án định kỳ 6 tháng/1 lần để gửi cho WB trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

2.2. Báo cáo đánh giá giữa kỳ (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1740/QĐ-NHNN ngày 09/8/2013 của Thống đốc NHNN).

2.3. Báo cáo tài chính: thực hiện theo các quy định tại Sổ tay Quản lý tài chính của Dự án.

IV. CƠ CHẾ THÔNG TIN, LIÊN LẠC CỦA DỰ ÁN

1. Các phương thức thông tin liên lạc chính

Công tác thông tin liên lạc được thực hiện thông qua các phương thức sau: công văn, thư điện tử, fax/điện thoại, họp/hội thảo, các báo cáo bằng văn bản (kiểm toán, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc Dự án).

2. Triển khai công tác thông tin liên lạc

Ban QLDA là đơn vị điều phối triển khai công tác thông tin liên lạc của Dự án. Mọi thông tin chính thức về Dự án phải được thực hiện thông qua Ban QLDA. Quy trình thực hiện một số công tác thông tin liên lạc chính của Dự án được thực hiện như sau:

2.1. Thông tin liên lạc với nhà tài trợ và các bên nước ngoài khác

- Thư xin ý kiến “Không phản đối” của WB: Ban QLDA là đơn vị đầu mối duy nhất gửi thư xin ý kiến “Không phản đối” của WB đối với mọi hoạt động của Dự án, bao gồm cả nhóm hợp phần A, B và C của Dự án. Cán bộ chủ chốt của Ban QLDA và Ban TKDA có thể trao đổi ở cấp kỹ thuật với WB thuộc Nhóm Dự án của mình.

- Ban QLDA là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức triển

khai đón đoàn công tác WB sang làm việc về Dự án, tổ chức hội nghị đánh giá giữa kỳ, Hội nghị tổng kết Dự án.

- Ban QLDA là đầu mối tổng hợp và báo cáo WB các kế hoạch, báo cáo định kỳ và đột xuất.

- Việc liên lạc bằng thư điện tử được thực hiện thông qua địa chỉ thư điện tử chính thức của Ban QLDA: fsmims@sbv.vn theo quy định và quy chế làm việc của Ban QLDA.

2.2. Thông tin, báo cáo Ban lãnh đạo NHNN và các Bộ, ngành liên quan

Ban QLDA là đơn vị đầu mối tổng hợp và xây dựng các báo cáo về tình hình triển khai Dự án trình Ban lãnh đạo NHNN và gửi các Bộ, ngành liên quan. Quy định cụ thể về chế độ báo cáo được nêu tại phần công tác báo cáo trên đây.

2.3. Thông tin về tình hình triển khai Dự án trên Website của NHNN

Ban QLDA làm đầu mối phối hợp với Cục Công nghệ tin học NHNN, Văn phòng NHNN để cập nhật thường xuyên các thông tin về Dự án FSMIMS trên website của NHNN. Địa chỉ <http://www.sbv.gov.vn>.

2.4. Thông tin nội bộ của Ban QLDA

Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, Ban Giám đốc và các cán bộ chủ chốt của Ban QLDA họp giao ban để cập nhật tiến độ triển khai công việc, lập kế hoạch triển khai tiếp theo cũng như tìm các biện pháp tháo gỡ nếu có khó khăn vướng mắc.

2.5. Thông tin liên lạc giữa Ban QLDA - Ban TKDA

- Ban QLDA tổ chức họp định kỳ mỗi Quý một lần vào tuần cuối của Quý (hoặc đột xuất) với Ban TKDA để rà soát công việc, tiến độ thực hiện nhóm hợp phần BHTG để đảm bảo sự phối hợp công việc hiệu quả, thúc đẩy tiến độ dự án theo đúng kế hoạch.

- Ban TKDA chịu trách nhiệm quản lý và triển khai trực tiếp nhóm hợp phần của BHTG. Khi có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Dự án, Ban TKDA phải báo cáo ngay Ban QLDA và cấp có thẩm quyền của BHTG để tìm biện pháp khắc phục.